



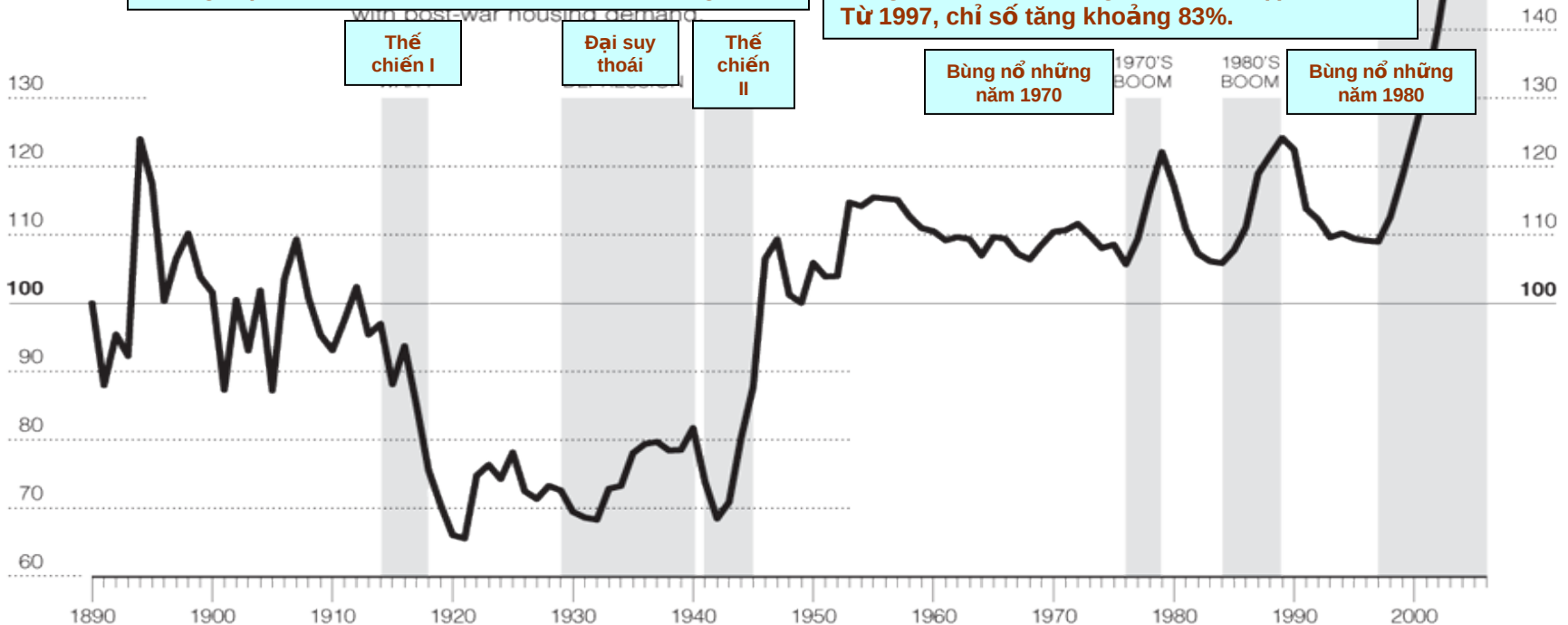
Lịch sử của các giá trị của nhà cửa

Nhà kinh tế học đại học Yale, Robert J. Shiller đã tạo ra một chỉ số cho các loại giá cả nhà cửa ở nước Mỹ từ những năm 1890. Chỉ số này được dựa trên giá bán của nhà cửa đạt chuẩn hiện hành, chứ không phải nhà cửa mới xây dựng, để theo dõi giá trị của nhà cửa như một khoản đầu tư trải qua thời gian. Chỉ số này thể hiện giá trị của nhà cửa theo những thông số nhất quán trong 116 năm, bỏ ra ngoài những ảnh hưởng của yếu tố lạm phát.

Năm 1890 làm mốc được 100 điểm như trong đồ thị dưới đây. Nếu một ngôi nhà theo chuẩn mực bán năm 1890 với giá 100.000 USA (là giá bán tính bằng đô-la điều chỉnh theo lạm phát và hiện giá về thời điểm hiện nay), một ngôi nhà theo chuẩn mực tương đương có thể được bán với giá 66.000 USD trong năm 1920 (có nghĩa là có 66 điểm theo thang đo lường của chỉ số) và bán với giá 199.000 USD trong năm 2006 (có nghĩa là được 199 điểm theo thang đo lường của chỉ số, hoặc 99% cao hơn năm 1890.)

SUY GIẢM VÀ TĂNG TỐC: Giá cả rơi khi các công nghệ sản xuất hàng loạt ra đời trong thế kỷ 20. Giá cả tăng chóng mặt sau thế chiến, khi nhu cầu nhà ở tăng lên.

CÁC GIAI ĐOẠN BÙNG NỔ: Hai lần tăng giá trong những thập niên gần đây là do lợi nhuận bằng ở mức của những năm cuối thập niên 50. Từ 1997, chỉ số tăng khoảng 83%.





Tiền không sụp đổ

Cả đời trả nợ!

Chào mừng các bạn đến với thế giới cho vay thế chấp nhà cửa dưới chuẩn đang bùng nổ. Thử nghĩ xem, bạn không đủ tiền để mua một ngôi nhà? Bạn có thể đúng là như vậy, nhưng điều đó không cản trở chúng tôi đến với bạn bằng cách hỗ trợ cho bạn có được một ngôi nhà.

**PHOTOS BY RAOUL
BENAVIDES**





Hệ thống ngân hàng ở Mỹ ngày nay...

Giám đốc điều hành của Citigroup, ông Chuck Prince, đã cố trấn an dư luận về nỗi lo sợ rằng đã đến lúc chấm dứt sự bùng nổ việc mua bán các doanh nghiệp được tiếp vốn bởi tín dụng lãi suất thấp, khi nói rằng Citigroup “vẫn đang làm ăn phát đạt”.

Giám đốc điều hành của Citigroup đã nói rằng Citygroup có thể sẽ chấm dứt cấp vốn cho các vụ mua bán doanh nghiệp ở một giới hạn nào đó nhưng tiền mặt trên thị trường còn rất nhiều do vậy sẽ không có chuyện bị ảnh hưởng do các xáo trộn bởi thị trường cho vay thế chấp dưới chuẩn ở Mỹ gây ra.

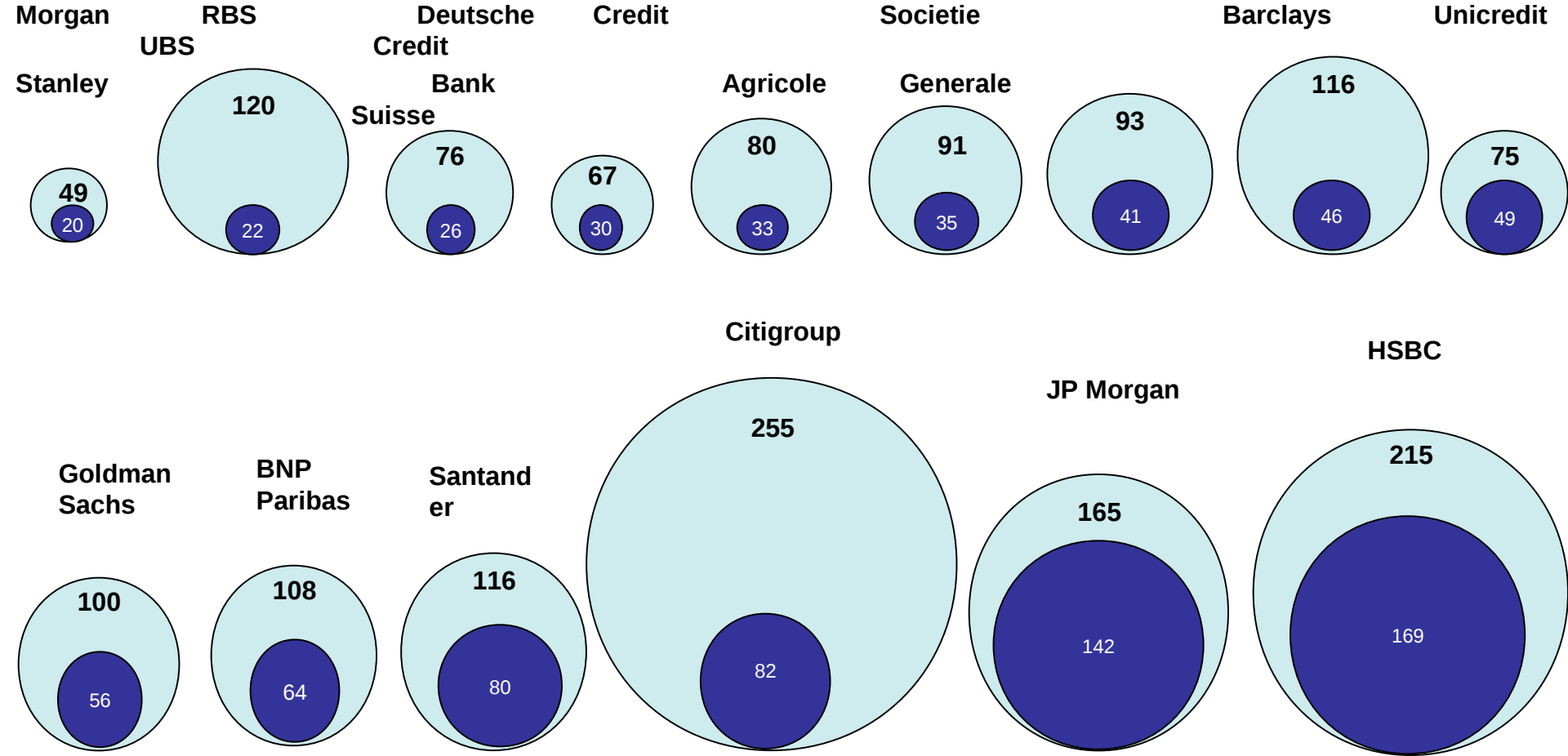




Các ngân hàng: mức độ vốn hoá trên thị trường

● Giá trị trường tại ngày 20 tháng 10 năm 2008, tỷ \$

○ Giá trị trường tại quý 2 năm 2007, tỷ \$



Nguồn: Bloomberg, ngày 20 tháng 10 năm 2008



Citigroup

- Giá trị thị trường Quý 2 năm 2007 – 255 tỷ US\$
- Giá trị thị trường vào ngày 20/10/2008
21/01/2009 – US\$??



“HSBC ngạo ngễ tuyên bố-trước khi thất bại thảm hại phải ghi giảm vốn-rằng HSBC có hơn 150 tiến sỹ đang là các chuyên gia về xây dựng các mô hình rủi ro tín dụng trong cho vay dưới chuẩn, do vậy chẳng có nhiều rủi ro trong các khoản cho vay này như mọi người thường nghi ngại.”

Robert Charette,



HSBC

- Giá trị thị trường Quý 2 2007 – 215 tỷ US\$
- Giá trị thị trường 20/10/2008 – US\$??



“Điều đó không thể xảy ra với chúng ta được.”



Có đấy, nó có thể xảy ra với chúng ta!!!
(một cảnh bên ngoài ngân hàng Northern Rock,
nước Anh, tháng 9 năm 2007)



Các thị trường tiền tệ



Money markets



Bank of England

Ngân hàng Trung ương nước Anh

Ngân hàng Northern Rock



Savings

Các khoản tiết kiệm



Mortgage lending

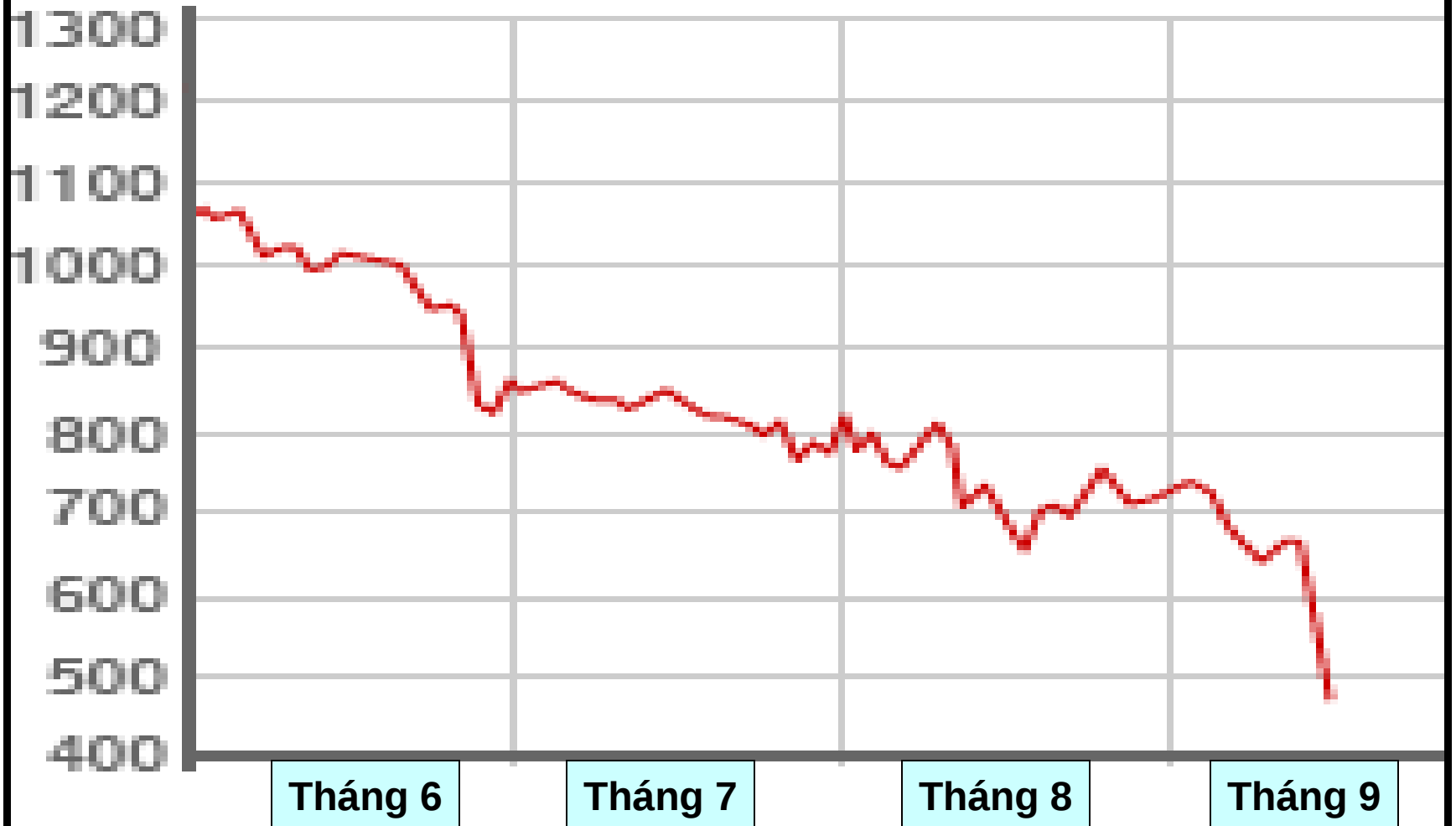
Cho vay thế chấp tài sản





Thị giá cổ phiếu của ngân hàng Northern Rock

Đơn vị: xu



Nguồn: hãng tin Bloomberg



CÁC RỦI RO CHỦ YẾU TRONG NGÀNH NGÂN HÀNG

Rủi ro kinh doanh

Rủi ro tài chính

Rủi ro hoạt động

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tiền mặt

Rủi ro con người

Rủi ro chính trị

Rủi ro phá sản

Rủi ro công nghệ

Rủi ro quốc gia

Rủi ro lãi suất

Rủi ro uy tín

Rủi ro chính sách

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rửa tiền và lừa đảo

Rủi ro môi trường

Các rủi ro
của chi
nhánh là
gì



Các uỷ ban rủi ro tiêu biểu trong các ngân hàng quốc tế



Các uỷ ban khác:

- Ban quản trị- Board of Management
- Quản trị nguồn nhân lực- HR
- Chiến lược & bán hàng- Strategy & Sales



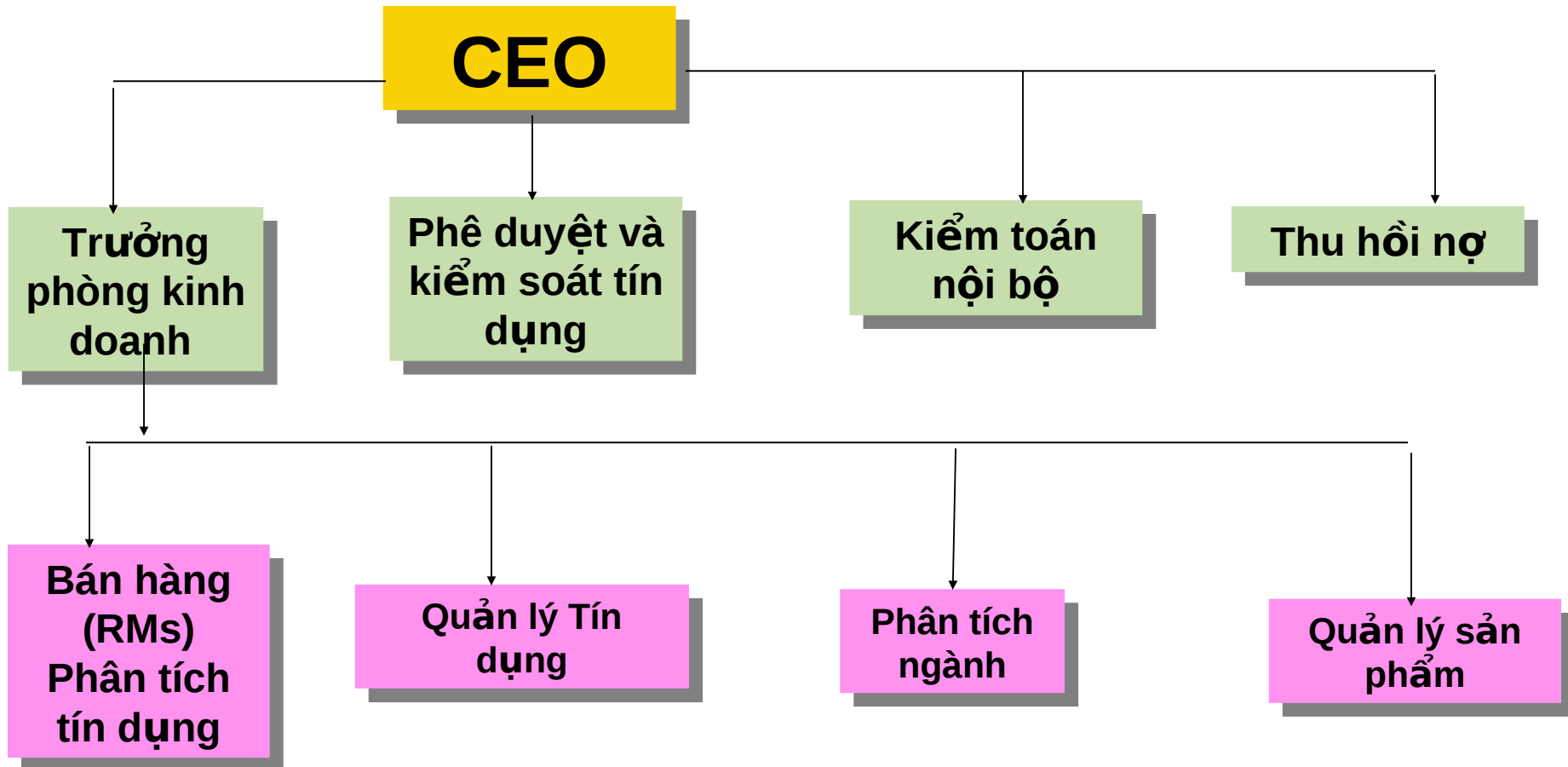
Một uỷ ban rủi ro tín dụng điển hình

Các trách nhiệm

1. Tuân thủ
2. Chính sách, quy trình/quy chế tín dụng
3. Sự tập trung cho vay vào một/vài ngành công nghiệp
4. Chất lượng danh mục cho vay/tín dụng
5. Giám sát các giới hạn, trần xếp hạng tín dụng
6. Các khoản tín dụng lớn
7. Các tài khoản khách hàng có doanh thu bị âm
8. Nợ xấu
9. Các phát hiện của kiểm toán
10. Rà soát của các cơ quan có thẩm quyền về tín dụng

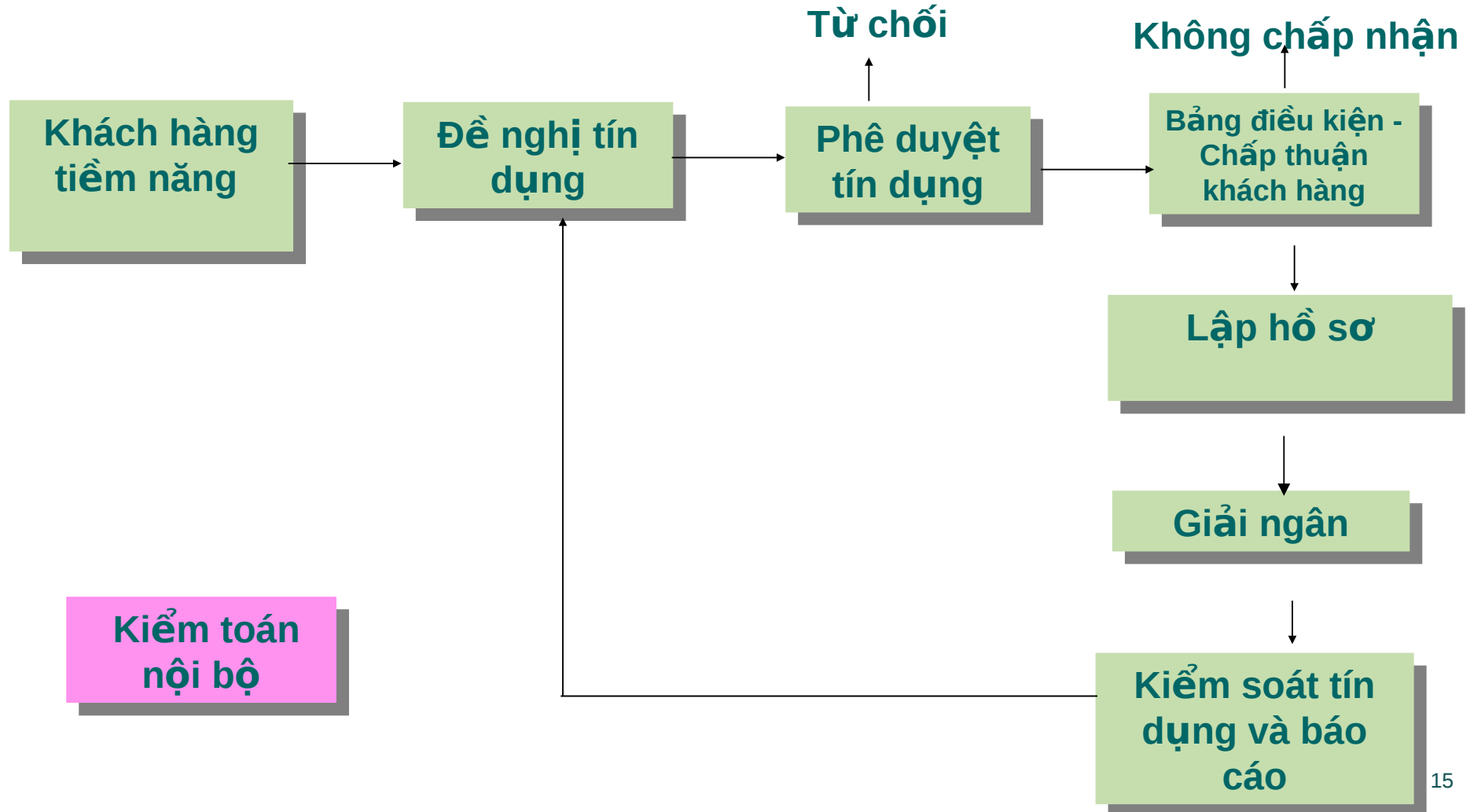


Cơ cấu tổ chức rủi ro của một ngân hàng điển hình





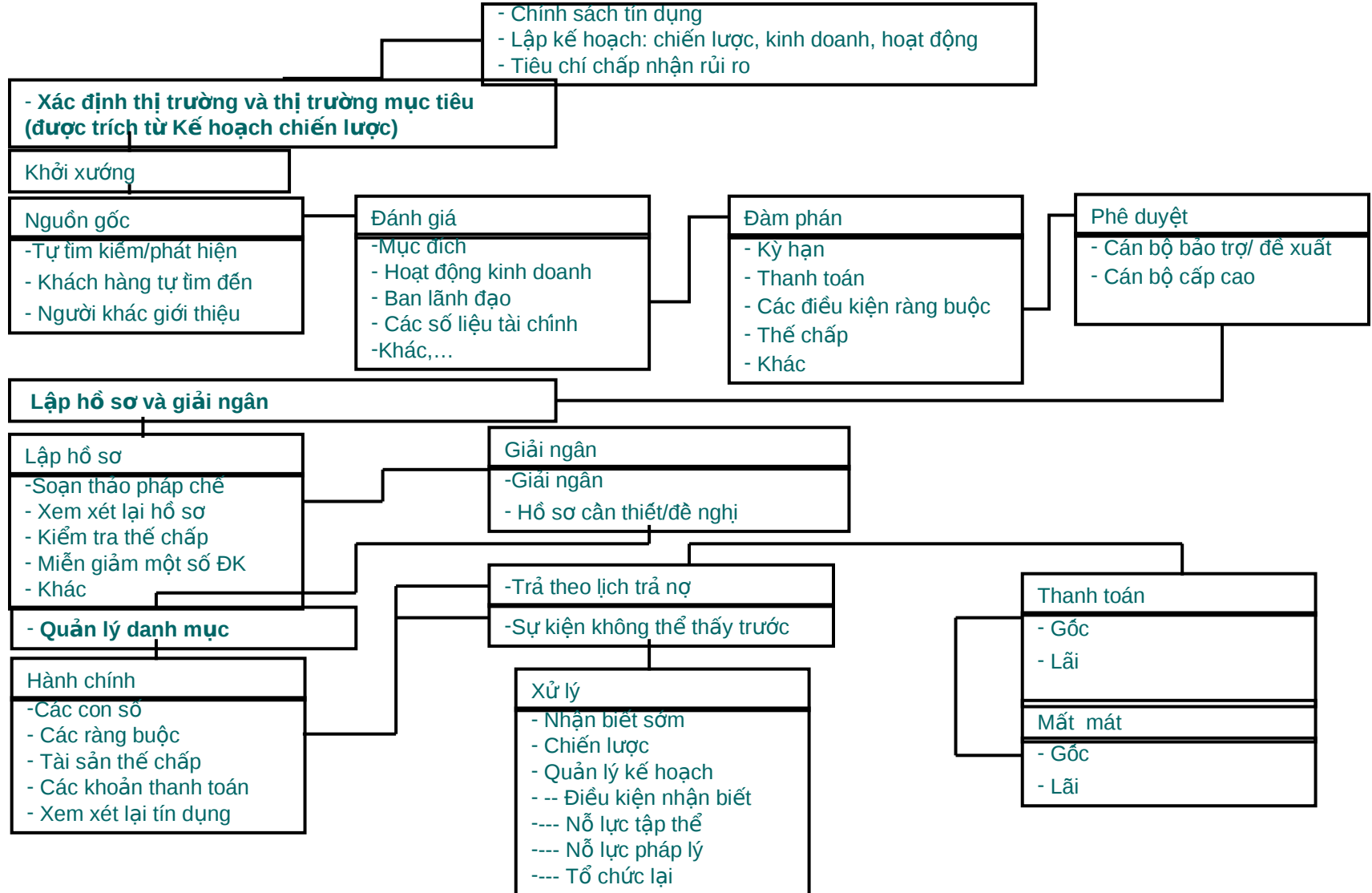
Quy trình quản lý tín dụng





Quản lý Tín dụng

Quy trình quản lý rủi ro tín dụng





Hội đồng quản lý nợ chuyên biệt

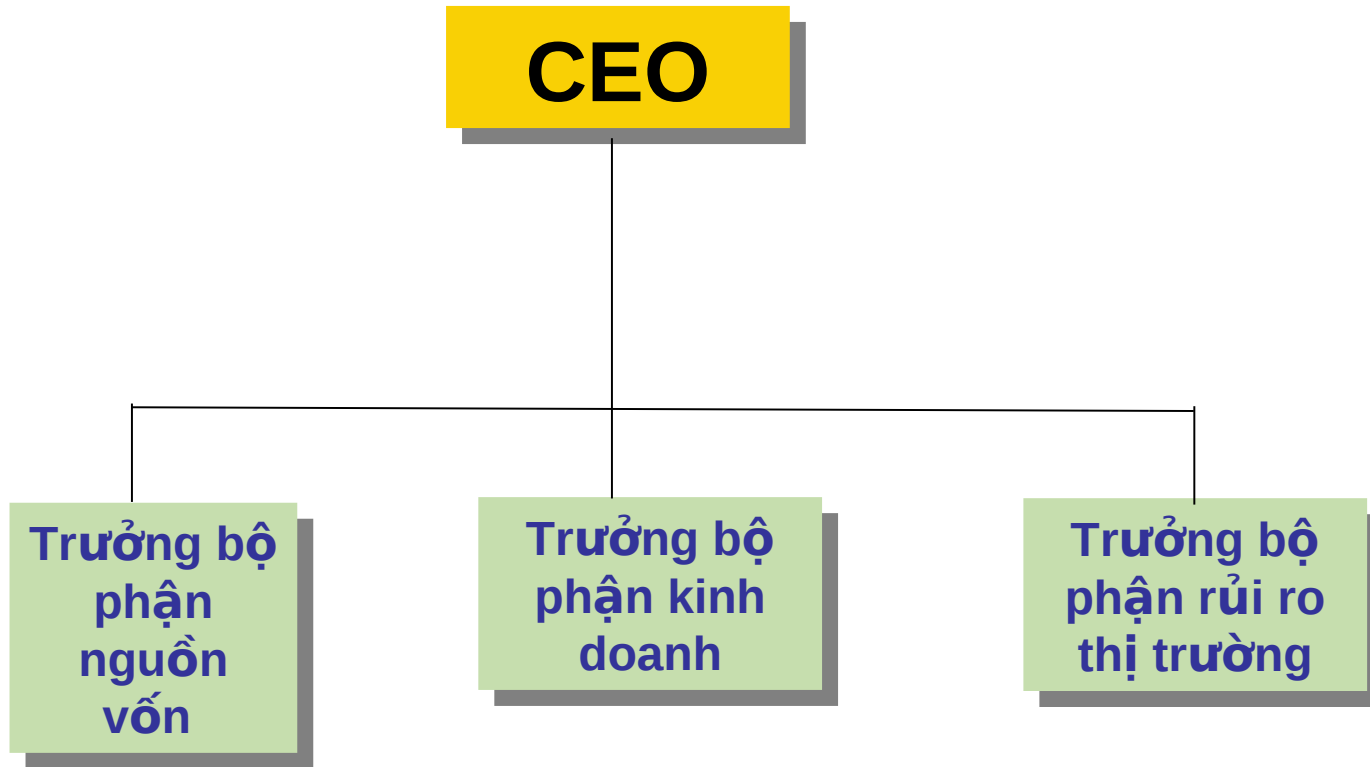
Box 3.6 Sự lựa chọn về chiến lược

Những mảng có vấn đề	Đánh giá	Vị thế thương lượng	Chiến lược
<ul style="list-style-type: none">▫ Triển vọng ngành▫ Tình trạng vay vốn trong ngành▫ Điều kiện tài chính▫ Chất lượng quản lý▫ Chất lượng tài sản thế chấp▫ Các yêu cầu tín dụng▫ Các giải pháp▫ Lợi nhuận▫ Các rủi ro đặc biệt	Mảng có vấn đề có thể điều chỉnh được	Mạnh	Tái cơ cấu <ul style="list-style-type: none">▫ Tăng tài sản thế chấp▫ Điều chỉnh KH hoàn vốn▫ Thay đổi quản lý
	Mảng có vấn đề không thể điều chỉnh được	Yếu	Rút lui <ul style="list-style-type: none">▫ Bán tài sản thế chấp▫ Đưa ra tòa án giải quyết

Nguồn: Booz - Allen & Hamilton



Hội Đồng quản lý tài sản Nợ và Có - ALCO



Họp hàng tháng



Chương trình nghị sự trong các cuộc họp của Ủy ban quản lý tài sản nợ & tài sản có-ALCO

1. Rà soát lại nội dung cuộc họp lần trước
2. Tuân thủ theo khuôn khổ điều tiết
3. Rà soát lại lãi suất & dự báo lãi suất, bao gồm cả dự báo viễn cảnh kinh tế
4. Quản lý bảng tổng kết tài sản
 - Phân tích mức chênh-thời hạn
 - Phân tích rủi ro cơ bản
 - Dự báo
1. Quản lý huy động vốn (Funding Management)
 - Hồ sơ các khoản đến hạn (maturity profiles); hồ sơ FD Profiles
 - Mức độ tập trung (concentration).

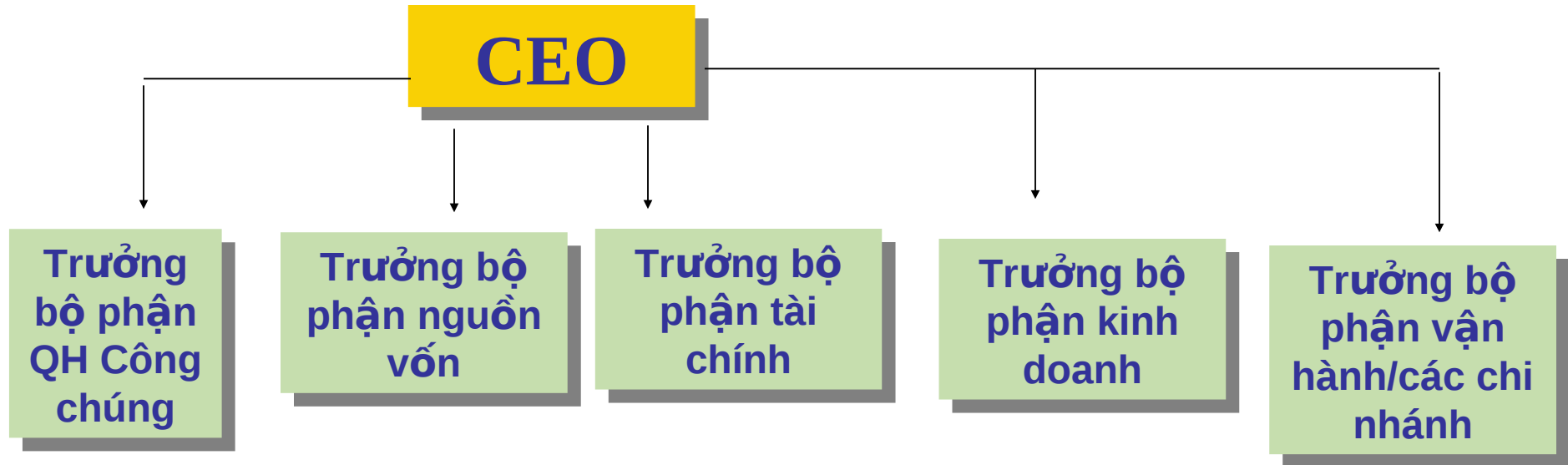


Chương trình nghị sự trong các cuộc họp của Ủy ban quản lý tài sản nợ & tài sản có-ALCO (2)

6. Quản lý thanh khoản
 - Các tài sản có, có thể chuyển thành tiền mặt nhanh chóng
 - Các tỷ lệ thanh khoản
 - Chi phí thanh khoản
 - Kiểm tra stress
6. Các tài sản có và Các khoản dự phòng
7. Sử dụng các cam kết tài trợ nhưng chưa rút vốn về
8. Tỷ lệ Đủ vốn + Tỷ lệ Cho vay / Tiền gửi
9. Theo dõi các đối thủ cạnh tranh
 - Các lãi suất cho vay và tiền gửi
 - Sự phát triển của các sản phẩm
12. Các chính sách nội bộ được cập nhật
13. Kế hoạch hành động



Nhóm quản lý khủng hoảng thanh khoản



Bao gồm:

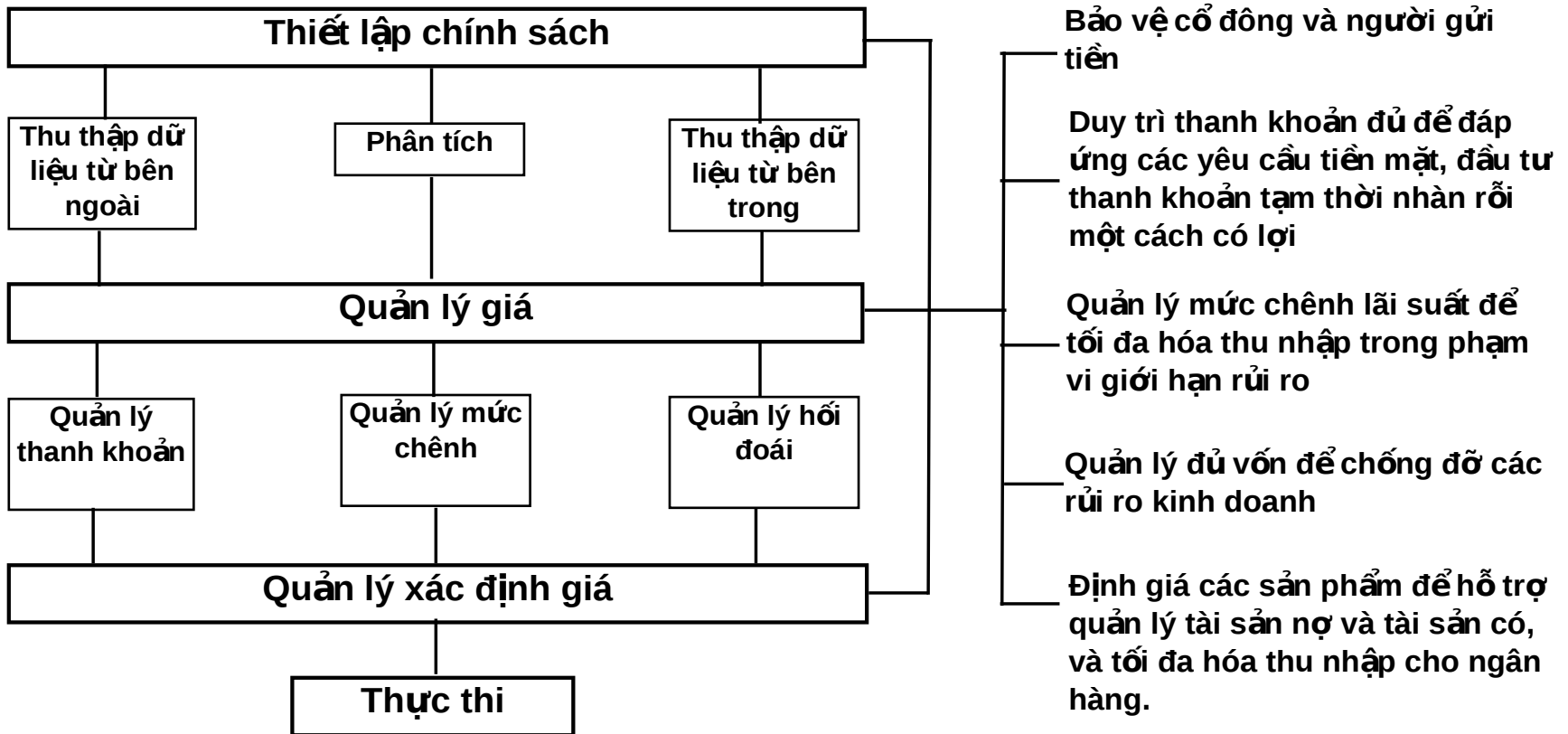
- **Nắm giữ các tài sản có tính thanh khoản cao để bán**
- **Hồ sơ của các tài sản có khác và mức độ thanh khoản**
- **Cơ sở tiền gửi ở địa phương-các nguồn vốn**
- **Tiếp cận tới các nguồn vốn, các ngân hàng khác, ngân hàng trung ương**
- **Các thủ tục thông báo với Ngân hàng Trung ương, báo chí, cổ đông, cán bộ công nhân viên**
- **Mối quan hệ với các doanh nghiệp**



Ủy ban Quản lý Tài sản nợ & Tài sản có-ALCO

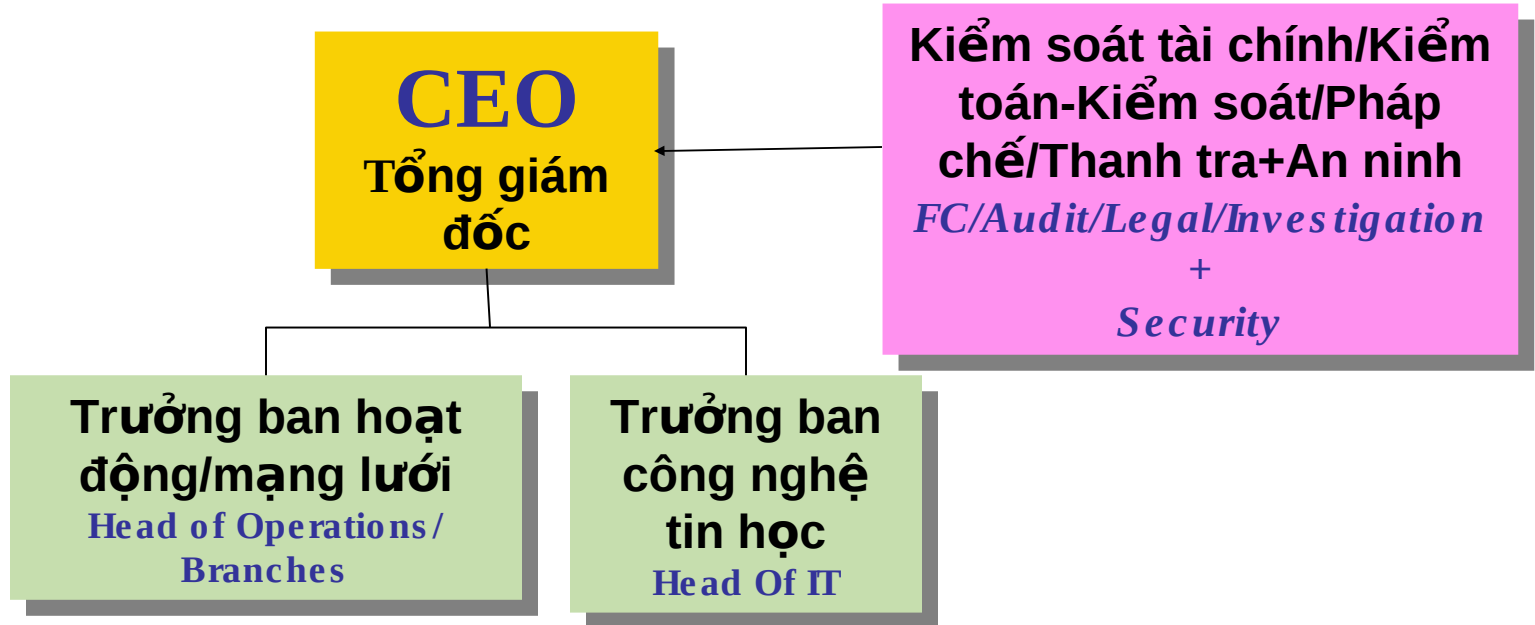
Hộp 4.1- Quá trình Quản lý Tài sản nợ & Tài sản có

Tài sản nợ & Tài sản có





Một uỷ ban rủi ro hoạt động điển hình của một quốc gia



Các trách nhiệm

1. Xác định các trách nhiệm được uỷ quyền
2. Phê duyệt các chính sách hoạt động chi tiết
3. Xác định các tiêu chuẩn kiểm soát tối thiểu

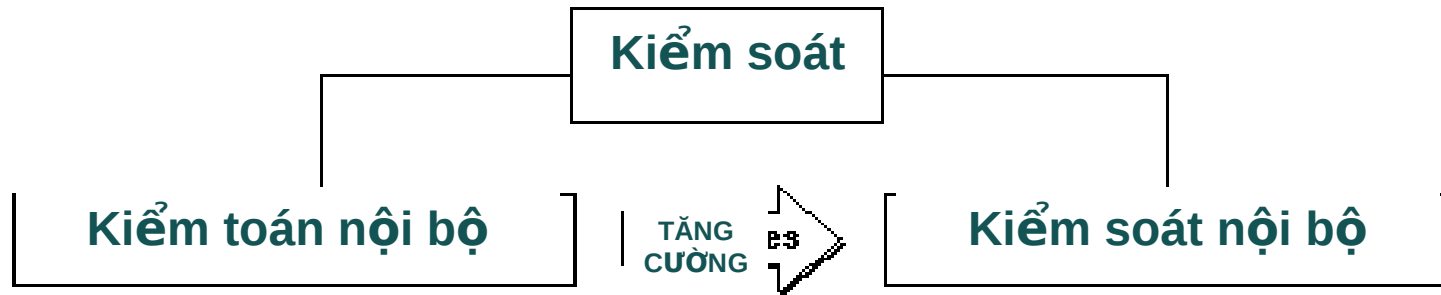
Chương trình nghị sự

1. Tuân thủ
2. Kế hoạch hành động rủi ro hoạt động
3. Quản lý thay đổi của các hệ thống
4. Cải tiến lại các quá trình
5. Khai trương/đóng cửa chi nhánh
6. Các sản phẩm mới - rủi ro
7. Kế hoạch tiếp tục kinh doanh
8. Lập kế hoạch về năng lực



Một chức năng tiêu biểu của kiểm toán nội bộ

HỘP A4.1 CÁC KIỂM SOÁT TỪ BÊN TRONG



Cơ chế/bộ máy độc lập để đảm bảo rằng các kiểm soát được thực hiện như mong muốn, các rủi ro được giảm thiểu, và các yếu kém về hoạt động được phát hiện trong các quá trình sau:

- Các rà soát tại ngân hàng
- Các rà soát từ xa

Các cơ chế quản lý để kiểm soát các hoạt động hàng ngày, bao gồm:

- Các chính sách và các quy trình/thủ tục
- Phân định trách nhiệm
- Thẩm quyền và các mức giới hạn phê duyệt
- Kiểm tra các quy trình/quy chế
- Giám sát ghi chép lại các giao dịch hàng ngày
- Các kiểm soát đối với ngân sách.

Nguồn: Booz-Allen & Hamilton

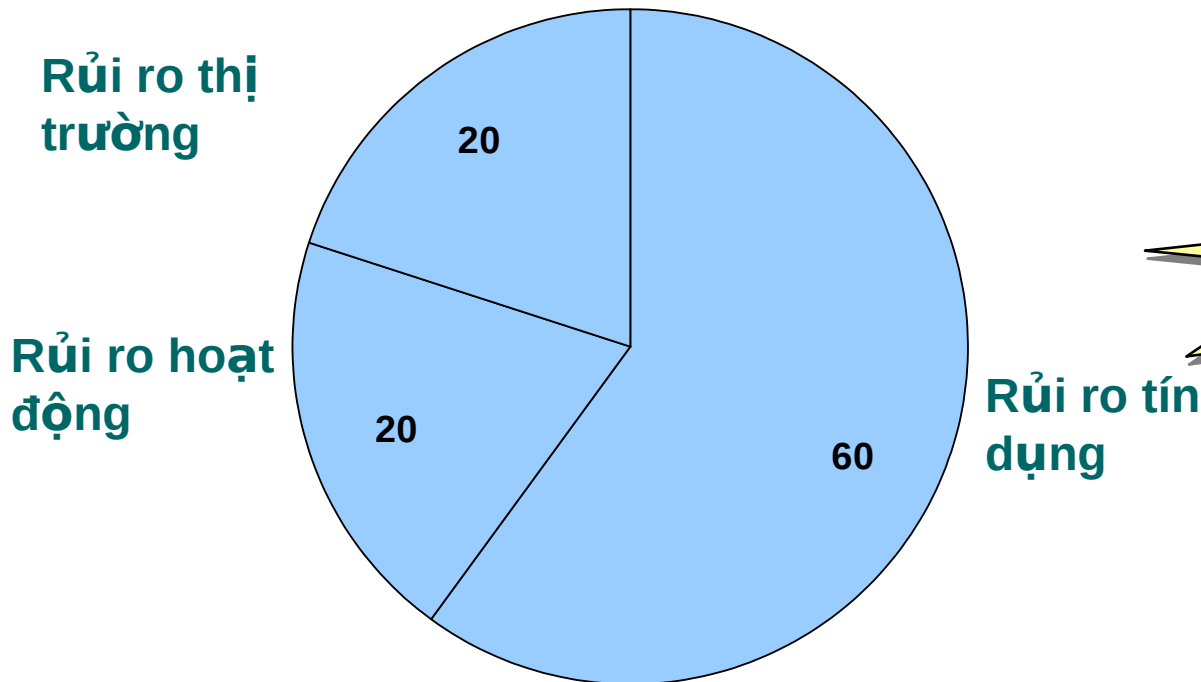


Rủi ro Tín dụng là Rủi ro chính đối với các Ngân hàng Châu Á

ESTIMATE

Percent of total risk capital

• Typical commercial banks in Asia



Nguồn: McKinsey



CÓ THỂ TÌM THẤY RỦI RO TÍN DỤNG Ở BA LĨNH VỰC CHÍNH

RRTD có thể tìm thấy ở đâu

Nó có thể phát sinh ntn

Ví dụ

Các khoản vay cụ thể không được hoàn trả

Những yếu kém trong việc đánh giá mức độ rủi ro của từng đối tác

Các khoản lỗ thẻ tín dụng tăng nhanh chóng do không có một sự đánh giá chính xác về mức độ rủi ro của mỗi khách hàng sử dụng thẻ tín dụng

Rủi ro tín dụng

Các khoản lỗ do các đối tác không có khả năng hoàn trả các khoản vay

Các khoản lỗ do tập trung vào các khu vực cụ thể

Các khoản lỗ do tập trung vào khu vực/ngành hoặc các khách hàng vay lớn

Các ngân hàng tập trung vào cho vay các công ty xây dựng đã bị ảnh hưởng nặng nề sau sự cố của thị trường bất động sản

Các khách hàng vay lớn bị phá sản

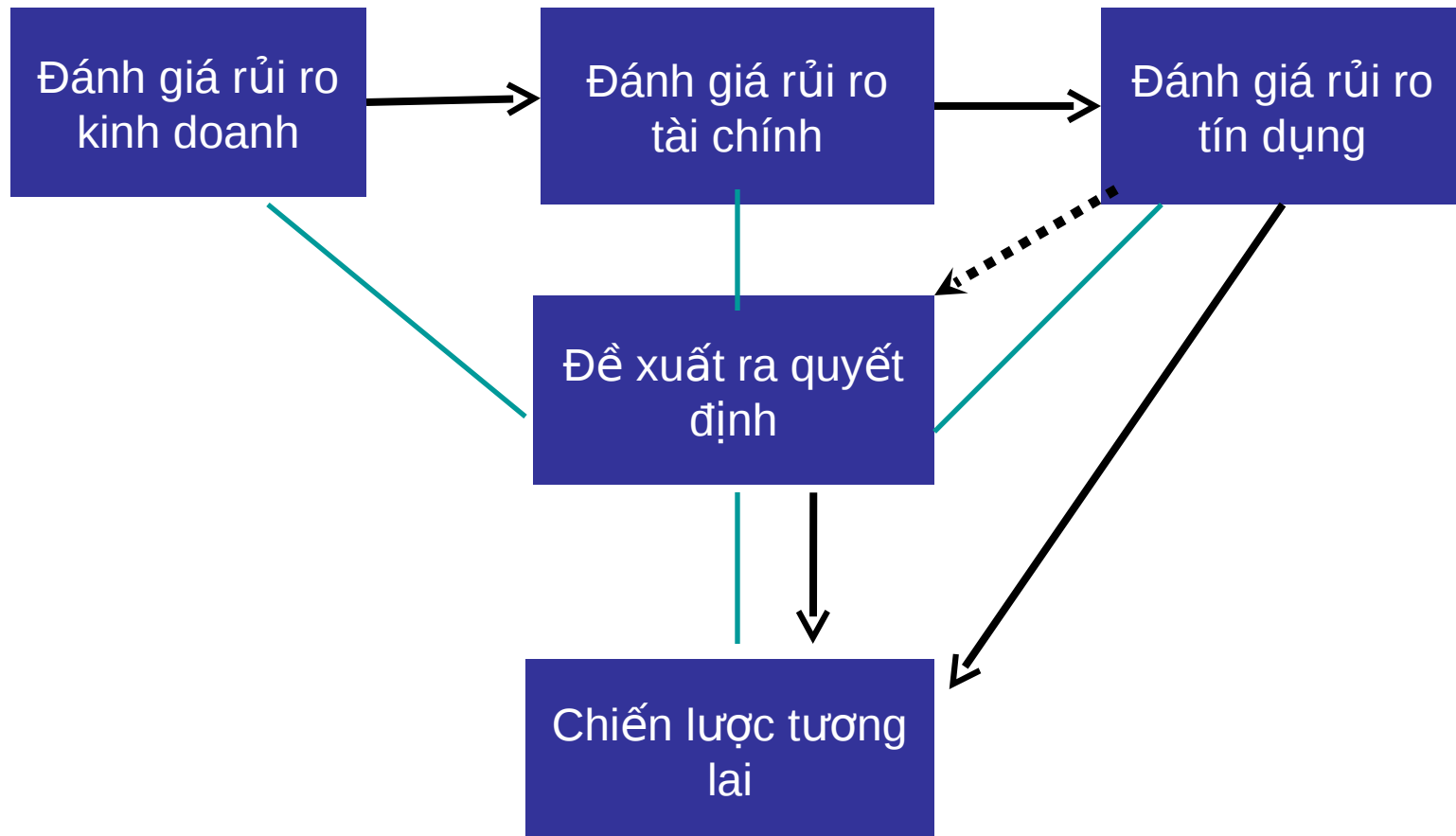
Các khoản lỗ do những thay đổi vĩ mô (undiversifiable risk)

Toàn bộ nền kinh tế trở nên rủi ro hơn – tỷ lệ phá sản tăng cao ở tất cả các lĩnh vực

Các ngân hàng bị ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc khủng hoảng kinh tế toàn diện hoặc khủng hoảng tài chính tại quốc gia (Ví dụ: Argentina)



Phân tích tín dụng: Bằng cách nào?





Quản lý rủi ro tín dụng

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
- CHẤM ĐIỂM TÍN DỤNG -



Chấm điểm rủi ro tín dụng

LĨNH VỰC:

Quản lý rủi ro tín dụng
Nguồn tài chính doanh nghiệp
Môi trường bên ngoài

Ví dụ về các phương pháp sử dụng:

Porter & BCG
Phân tích PESTEL, v..v..



Nguyên tắc cho điểm tín dụng

- Các khoản vay đều được xếp hạng ngay khi bắt đầu cho vay và không được tái xếp hạng.
- Xếp hạng của một khoản vay chỉ được thay đổi khi xem xét lại khoản vay hoặc có ý kiến của kiểm toán nếu việc xếp hạng ban đầu không đúng
- Khoản vay được xếp hạng dựa trên 6 yếu tố
 1. *Mức độ lành mạnh về tài chính của khách hàng*
 2. *Lịch sử tín dụng của khách hàng (xem ví dụ)*
 3. *Mức độ ổn định công ăn việc làm của khách hàng (xem ví dụ)*
 4. *Mục đích và cơ cấu khoản vay*
 5. *Nguồn trả nợ dự phòng (xem ví dụ)*
 6. *Kinh nghiệm với ngân hàng*
- Một khoản vay hoàn hảo sẽ phải đạt được 6 điểm và khoản vay rủi ro nhất có thể sẽ có điểm là 30



Chấm điểm lịch sử tín dụng

Điểm

- Báo cáo tín dụng hoàn toàn trong sạch 1
- Báo cáo sạch nhưng sử dụng tín dụng không đủ nhiều để có cơ sở đánh giá, xét xét 2
- Một hoặc hai lần có vấn đề 3
- Thói quen trả nợ chậm 4
- Không trả được nợ cho các chủ nợ 5



Chấm điểm mức độ ổn định công việc

	Điểm
• Làm công việc hiện tại trong 5 năm	1
• Làm công việc hiện tại từ 3 đến 5 năm	2
• Làm công việc hiện tại từ 1 đến 3 năm	3
• Làm công việc hiện tại dưới 1 năm	4
• Thất nghiệp hoặc việc làm tạm thời	5



Chấm điểm nguồn trả nợ dự phòng

- | | Điểm |
|--|------|
| <ul style="list-style-type: none">Tỷ lệ TSĐB 70% hoặc ít hơn cho BĐS hoặc phương tiện; 90% hoặc ít hơn cho tiền mặt; Ngân hàng có quyền ưu tiên đối với TSĐB và tỷ lệ này dự kiến sẽ được tăng lên trong suốt thời gian vay | 1 |
| <ul style="list-style-type: none">Tỷ lệ TSĐB 71% đến 80% cho BĐS hoặc phương tiện; 90%-95% cho tiền mặt; Ngân hàng có quyền ưu tiên đối với TSĐB và tỷ lệ này dự kiến sẽ được tăng lên trong suốt thời gian vay | 2 |
| <ul style="list-style-type: none">Tỷ lệ TSĐB 81% đến 95% cho BĐS hoặc 81% đến 90% cho phương tiện; 95%-100% cho tiền mặt; Ngân hàng có quyền ưu tiên đối với TSĐB và tỷ lệ này dự kiến sẽ được tăng lên trong suốt thời gian vay | 3 |
| <ul style="list-style-type: none">Tỷ lệ TSĐB gần 100% cho BĐS hoặc phương tiện; hoặc 101% cho tiền mặt; Tỷ lệ này có thể giảm đi đáng kể trong thời gian vay | 4 |
| <ul style="list-style-type: none">Khi khoản vay tín chấp hoặc tín chấp đáng kể | 5 |



Quyết định mức Xếp hạng

- Cộng tất cả điểm lại và áp hạng tương ứng
- Hạng A Tổng điểm từ 6 đến 9
- Hạng B Tổng điểm từ 10 đến 15
- Hạng C Tổng điểm từ 16 đến 21
- Hạng D Tổng điểm từ 22 đến 27
- Hạng E Tổng điểm từ 28 đến 30



Xếp hạng hồ sơ vay

- **Hạng A – Rất tốt**

Có đặc điểm tốt, có tài chính mạnh, có ít nợ và tín dụng hoàn hảo

- **Hạng B – Tốt.**

Người vay sở hữu báo cáo tín dụng tốt, không có nợ nhiều và có công ăn việc làm ổn định.

- **Hạng C – Chấp nhận được.**

Có lúc trả nợ chậm nhưng có báo cáo tín dụng ổn; có nhiều khoản nợ hơn mức trung bình và về mặt tài chính thì không có nhiều tiền cho các trường hợp khẩn cấp.

- **Hạng D – Cần trọng.**

Không đáp ứng các tiêu chuẩn thông thường của ngân hàng và chỉ nên phê duyệt trong trường hợp cá biệt.

- **Hạng E – Dưới tiêu chuẩn.**

Không đảm bảo trả được nợ từ khả năng trả nợ của người vay hoặc có thể không có đủ TSDB cho khoản vay

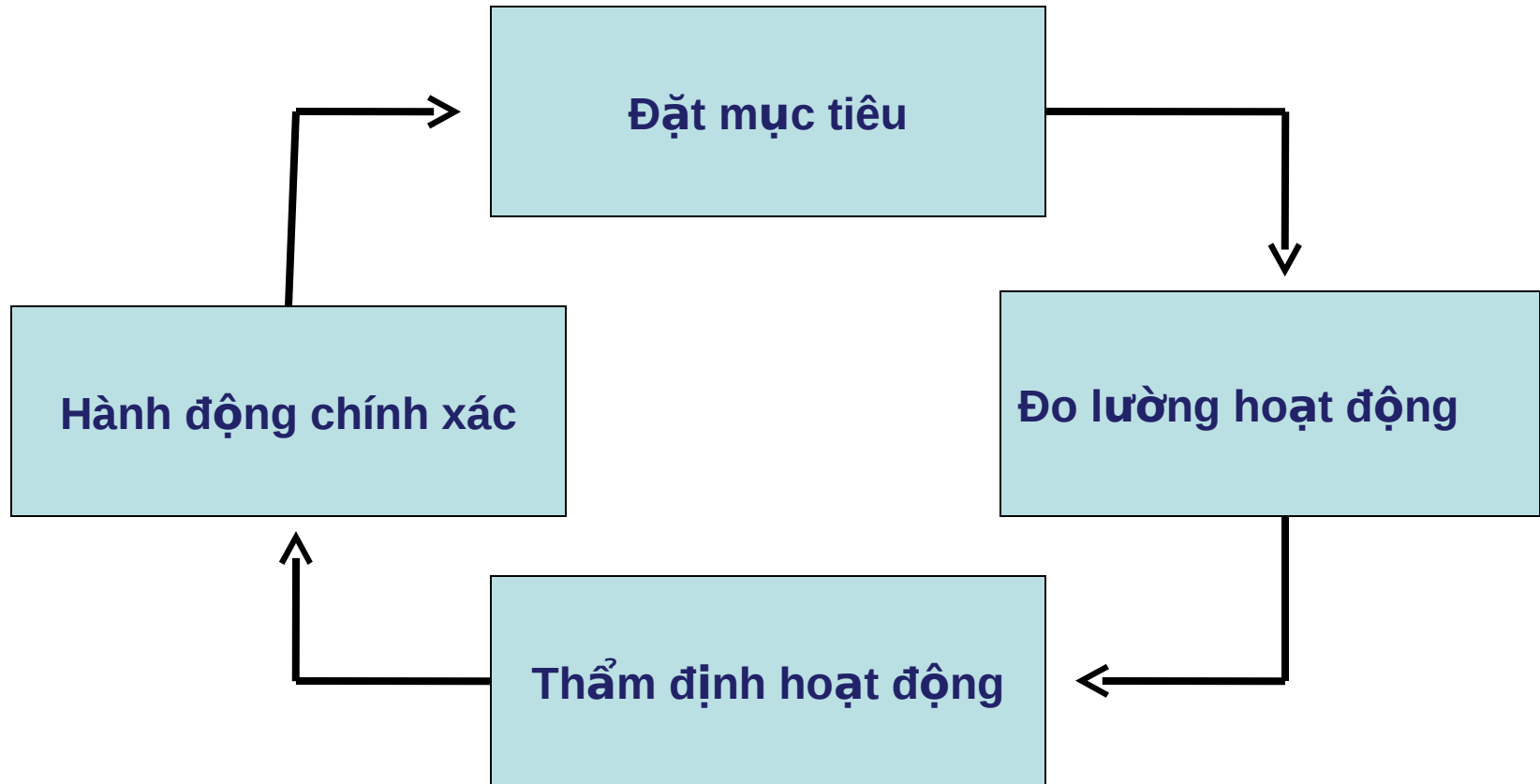


Quản lý rủi ro tín dụng

Quản lý và kiểm soát khoản vay



Quy trình quản lý khoản vay





Giám sát tín dụng

TRÁCH NHIỆM THUỘC VỀ AI?

- ✓ Cán bộ tín dụng – để đảm bảo rằng thanh toán trả nợ được thực hiện khi đến hạn và điều kiện của khoản cho vay không đổi trong suốt thời gian cho vay.

GIÁM SÁT CÁI GÌ?

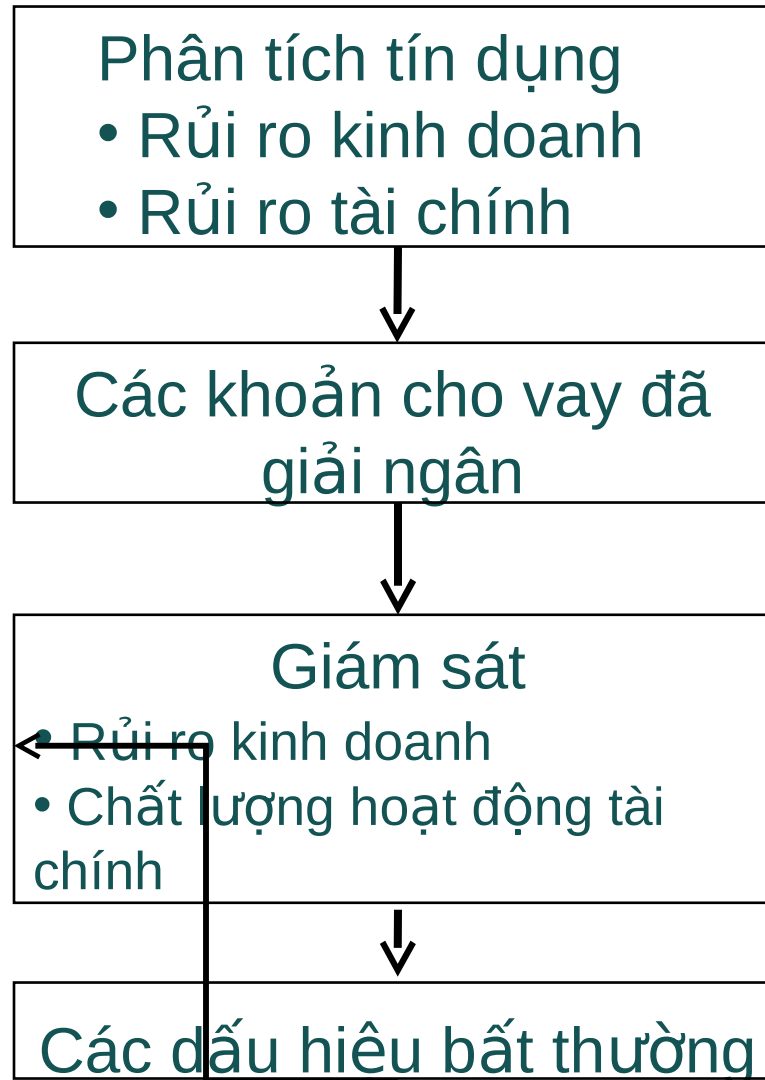
- ✓ Chất lượng hoạt động của tài khoản khách hàng trong suốt thời gian cho vay để tìm xem các dấu hiệu cảnh báo.
- ✓ Những thay đổi trong giá trị của tài sản thế chấp.
- ✓ Các điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến chất lượng của khoản cho vay.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ GIÁM SÁT?

- ✓ Thường xuyên liên hệ với khách hàng.
- ✓ Chất lượng hoạt động của tài khoản khách hàng thông qua các thông tin bên trong và bên ngoài.
- ✓ Các biểu hiện tín dụng đang bị suy yếu.

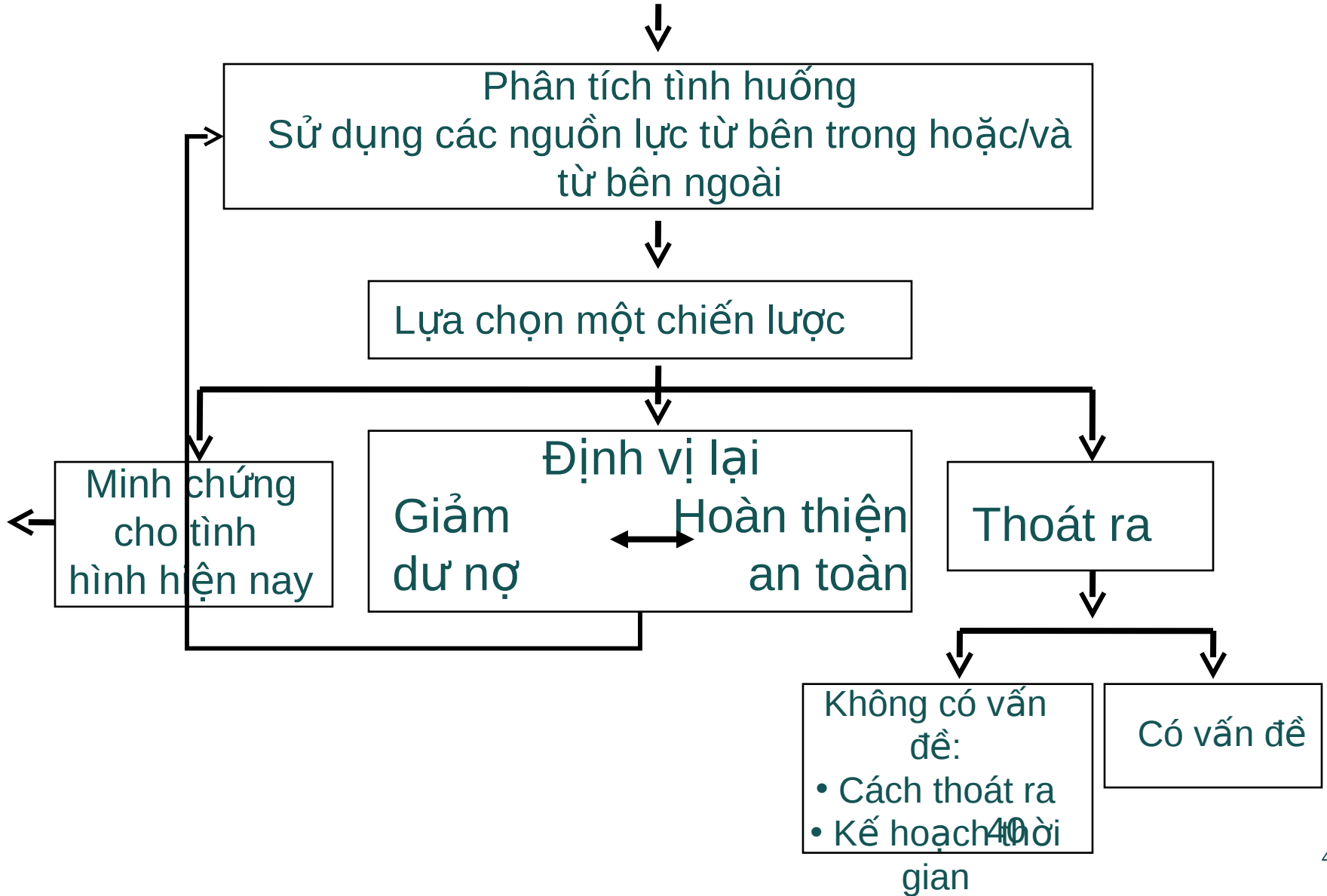


Lộ trình Giám sát Tài khoản khách hàng





Lộ trình Giám sát Tài khoản khách hàng





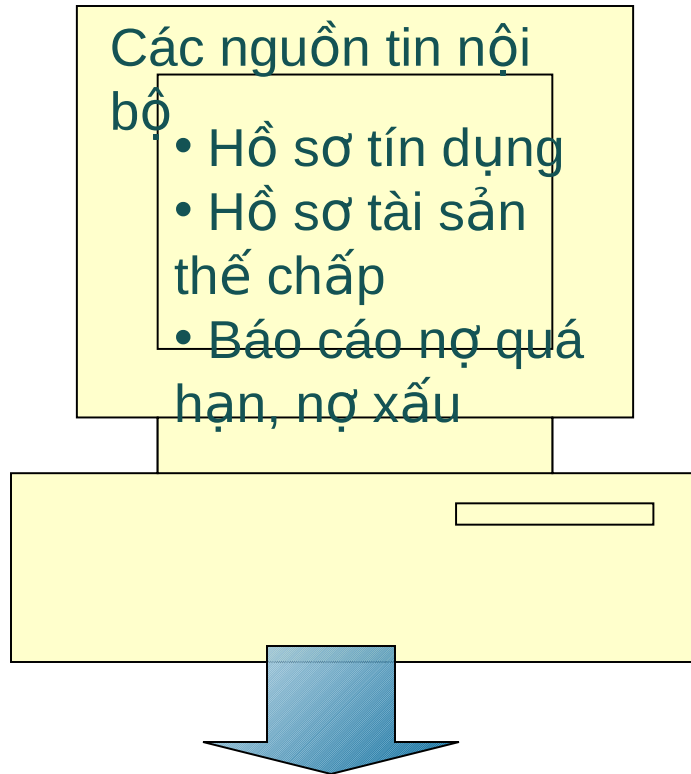
Duy trì giao tiếp thường xuyên với khách hàng

Giao tiếp với khách hàng—cách hiệu quả để có được thông tin về tình hình tài chính, các vấn đề, các yêu cầu về tài chính mới, ... của khách hàng

- Là hoạt động hàng ngày của một cán bộ tín dụng.
- Ghi chép tất cả các thông tin nhận được trong các cuộc thảo luận.
- Luôn luôn tỉnh táo với bất cứ vấn đề gì của người vay.
- Liên hệ với người vay ngay tức thì, bất cứ khi nào bạn nhìn thấy những dấu hiệu cảnh báo, để thảo luận vấn đề và tìm ra giải pháp phù hợp.



Giám sát thông qua thông tin và dữ liệu



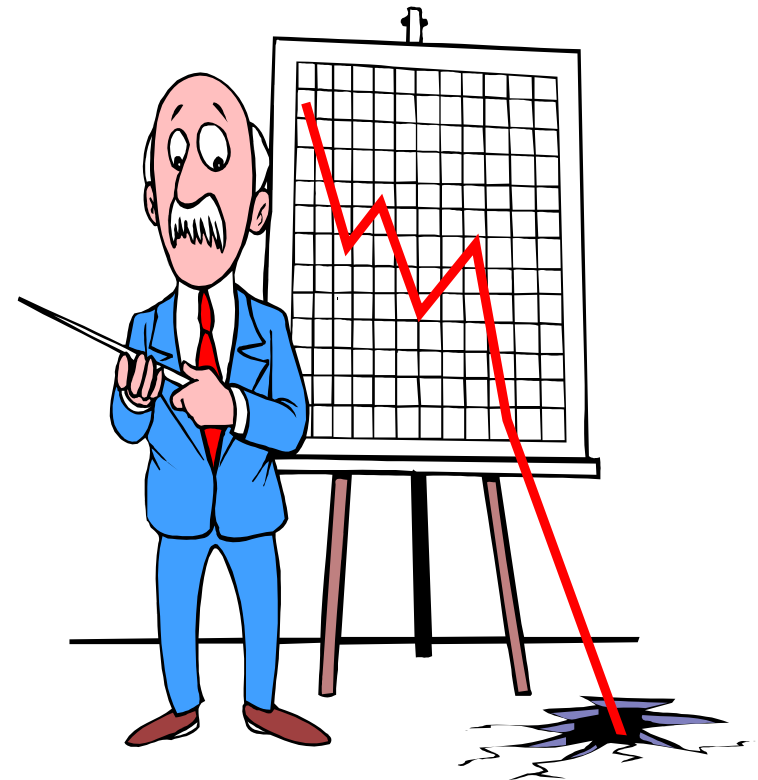
- **Chất lượng hoạt động của tài khoản**
- **Tỷ lệ tài sản thế chấp so với vốn vay**

- Các điều kiện bên ngoài có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của người vay.



NỢ CÓ VẤN ĐỀ

Khi mọi thứ bắt đầu có vấn đề . . .





Tại sao ngân hàng có các khoản vay có vấn đề

- Nóng lòng có thu nhập
- Tính tự mãn
- Hy sinh các nguyên tắc tín dụng
- Thông tin tín dụng không đầy đủ
- Không có hoặc không thể ép các hiệp định trả nợ
- Thiếu giám sát và thanh tra
- Bất lực về kỹ thuật
- Lựa chọn rủi ro kém
- Cho vay quá mức
- Cạnh tranh



Các nguyên nhân chính gây ra nợ xấu

- Quản lý kém/thiếu kinh nghiệm
- Hệ thống/kiểm soát của công ty yếu kém
- Thay đổi về kinh tế
- Phân tích/thẩm định không đầy đủ
- Ngân hàng giám sát không tốt
- Lừa đảo – Sử dụng vốn sai mục đích
- Mở rộng quá mức
- Thất bại trong việc thích nghi với thay đổi của thị trường
- Tài sản đảm bảo giảm chất lượng

**Source: Standard Chartered
Bank**



Các dấu hiệu tín dụng bắt đầu xấu đi

- Các đợt thanh toán trả nợ bị chậm hoặc bị trượt
- Nhiều lần rút quá số tiền
- Những thay đổi trong cung cách chi tiêu của khách hàng
- Các yêu cầu thường xuyên về thanh toán séc để chuẩn bị trả lương.
- Miễn cưỡng cam kết trong các đợt thu xếp tài chính trước khi vay
- Thay đổi trong cung cách của tài khoản thể hiện rằng khách hàng có thể đã thay đổi thu xếp ngân hàng
- Mất việc
- Các ngân hàng khác cũng có nhiều yêu cầu đối với khách hàng trong việc cung cấp thông tin.
- Thanh toán được thực hiện trước đợt thu xếp trong một thời gian ngắn
- Chứng cứ dính líu đến cờ bạc, đầu cơ, hoặc sinh sống vượt quá mức độ/điều kiện của mình
- Nhiều yêu cầu cho thu xếp lại vốn, hoặc các điều kiện thanh toán nợ.



Những dấu hiệu báo động sớm: Phi tài chính

- Có những hành vi lạ
- Tránh các cuộc gặp với Ngân hàng và thiếu hợp tác với Ngân hàng
- Trì hoãn bất thường về việc nộp các báo cáo tài chính
- Khả năng quản lý
- Hoạt động nghiệp vụ
- Các điều kiện kinh tế



Những dấu hiệu báo động sớm: Quản lý

- Khách hàng tránh các cuộc gặp với Ngân hàng
- Quyền lực/sở hữu tập trung
- Xung đột quản lý
- Thu nhập cao của bộ phận nhân viên chủ chốt
- Quá nhiều đãi ngộ/ tiền lương cao
- Xem xét mọi sự phát triển trái chiều là “không may mắn”



Những dấu hiệu báo động sớm: các dấu hiệu khác

- Các khoản vay của các giám đốc được rút ra.
- Yêu cầu giải chấp, đặc biệt trong trường hợp tài sản thế chấp được cung cấp bởi các giám đốc/các bạn hàng.
- Các chiết khấu cho trả sớm có thể là dấu hiệu của áp lực cần tiền mặt.
- Trì hoãn thanh toán cho các chủ nợ.
- Suy giảm dần dần trong các cuộc trao đổi giữa khách hàng và cán bộ ngân hàng.
- Những đồn đại trong báo chí và/hoặc cộng đồng doanh nghiệp.
- Sẵn lòng chấp nhận tăng phí, tăng lãi suất của ngân hàng.
- Mở tài khoản ở các ngân hàng khác; cần thận trọng nếu biết rằng các chủ nợ khác cũng có được tài sản đảm bảo từ khách hàng.



Khoản vay có vấn đề: Những nguyên tắc chỉ đạo

- Không chậm trễ; không hoảng sợ
- Chỉ định trách nhiệm
- Thu thập tất cả thông tin cần thiết
- Ghi lại các bước và những đánh giá cần thực hiện
- Giám sát và báo cáo

Mục tiêu đầu tiên:

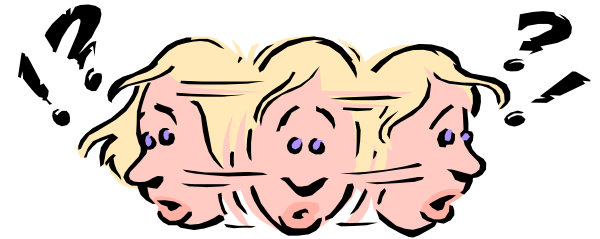
- Hạn chế thua lỗ
- Tránh làm giảm giá trị của những khoản vay được xác định là có vấn đề!





Các bước cần tiến hành

1. Rà soát lại hồ sơ và tổng hợp thông tin
2. Kiểm tra giấy tờ tài liệu
3. Phân tích tài chính
4. Đánh giá lại khách hàng
5. Đánh giá lại bảo đảm/thế chấp
6. Đánh giá các rủi ro và các vấn đề khác
7. Đánh giá sơ bộ về thực trạng của khách hàng và của Ngân hàng





RỦI RO VẬN HÀNH





Rủi ro hoạt động

Các rủi ro hoạt động ở cấp chi nhánh

Bất cứ rủi ro gì có thể dẫn đến tổn thất trực tiếp hoặc gián tiếp do một sự kiện hoặc một hành động gây ra bởi sự cố công nghệ, quá trình hoạt động, cơ sở hạ tầng, con người và các rủi ro khác có tác động đến hoạt động.

Các quá trình ...	Con người ...
Các hệ thống & công nghệ...	Các sự kiện
Các vụ lừa đảo, gian lận	Uy tín, danh tiếng
Pháp luật & điều tiết...	Rửa tiền
và nhiều nữa	

Một nguy cơ hàng ngày ở các chi nhánh



Các ví dụ: Rủi ro quy trình

Rủi ro hoạt động xảy ra thông qua các quá trình không có hiệu lực/hiệu quả:

- Các quá trình không có hiệu lực hoặc hiệu quả - là các quá trình thất bại đạt được các mục tiêu, hoặc các quá trình đạt được các mục tiêu nhưng với chi phí quá cao.
- Bất cứ giai đoạn nào của quá trình xử lý mà ở đó ngân hàng đối mặt với các rủi ro mà có thể dẫn đến tổn thất tài chính, tổn thất khách hàng, và tổn thất danh tiếng.
- Rủi ro hoạt động bao gồm cả các quá trình lập và lưu giữ hồ sơ



Các ví dụ:

Các hệ thống và Rủi ro công nghệ

- Các lỗi hệ thống hiện nay đang là mối quan tâm ngày càng tăng do ngày càng phụ thuộc vào công nghệ.
- Rủi ro tổn thất từ các mô hình tài chính bị khiếm khuyết
- Các rủi ro liên quan đến lỗi lập trình hoặc thiếu sự kế hoạch hóa.
- Thiếu tính bảo mật trong khi thương mại điện tử thì ngày càng phát triển.

**Technology
& Learning**



Các ví dụ: Rủi ro con người

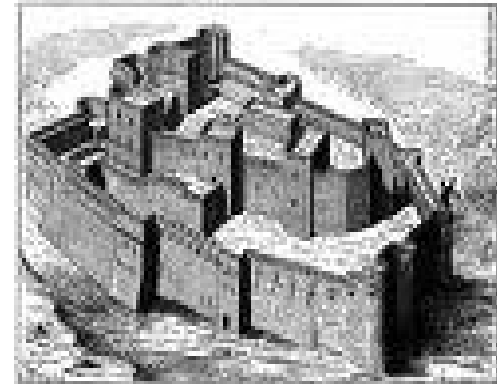
- Thiếu và yếu nhân lực, thiếu đào tạo
- Các hoạt động không được cho phép
- Không đủ năng lực
- Không trung thực, gian lận
- Sử dụng các thông tin mật một cách sai trái
- Tham gia vào các hoạt động tội phạm
- Một văn hóa không nâng cao nhận thức về rủi ro.





Để ngăn ngừa các rủi ro, các kiểm soát nội bộ cần phải ...

- Đáp ứng được với những rủi ro thay đổi bên trong và bên ngoài chi nhánh.
- Gắn kết với các hoạt động của ngân hàng, và không phải là một chức năng/hoạt động riêng rẽ.
- Được áp dụng một cách hợp lý, và có liên quan tới các rủi ro chính đang được chú ý.
- Tiết kiệm được chi phí.



Inspektoren Fort Europa



Hệ thống Kiểm soát Nội bộ bao gồm ...

- Các chính sách và các quy trình/quy chế hiệu quả.
- Có con người với trách nhiệm cụ thể.
- Nhân viên có năng lực và có đạo đức nghề nghiệp.
- Các cấp bậc quyền hạn.
- Phân định các chức năng.
- Kiểm soát cảnh báo (alert supervision); rà soát lại các hậu quả.
- Chú ý tới các dấu hiệu cảnh báo.
- Các biện pháp giảm nhẹ tổn thất tức thì, các hoạt động phản ứng với sai sót và sửa sai, nếu cần thiết.



Gian lận là sự lừa dối một cách có tính toán, có chủ đích nhằm kiếm lời một cách không công bằng, không hợp pháp, và do đó làm cho người khác chịu tổn thất.

Gian lận có thể được gây ra bởi bên trong hoặc bên ngoài



Các ví dụ về gian lận từ bên trong

- Ăn trộm trên tài khoản của khách hàng.
- Khai thác các tài khoản dễ bị tổn thương-các tài khoản ngừng hoạt động đã lâu, các tài khoản có địa chỉ hộp thư, khách hàng lớn tuổi.
- Các tài khoản đình chính nhưng không được rà soát lại
- Các tài khoản sử dụng tên giả.
- Ăn trộm tiền mặt của ngân hàng.
- Thông đồng với tội phạm bên ngoài/những kẻ phá hoại ngầm
- Thẻ tín dụng, thẻ ATM bị ăn trộm nhưng khách hàng không truy đòi lại.



Các ví dụ về gian lận từ bên trong

Giao dịch viên tiền gửi/thủ quỹ

- Trì hoãn chuyển tiền cho vay vào tài khoản của khách hàng.
- Ăn trộm tiền từ ngân kéo của đồng nghiệp.
- Tỷ giá hối đoái giả.
- Các khoản phí không được phép.
- Ăn trộm/"vay" từ chính ngân kéo của mình.
- Các khách hàng thay đổi ngân.





Cờ đỏ đánh dấu gian lận bên trong

- Thay đổi lối sống.
- Các tài khoản đã ngừng hoạt động, hoạt động trở lại.
- Các tên giống nhau xuất hiện trên một vài tài khoản.
- Hồ sơ về tài khoản bị mất.
- Quản lý độc đoán chuyên quyền.
- Các khách hàng chỉ có mỗi một địa chỉ liên hệ.
- Dịch vụ cá nhân riêng biệt đối với các tài khoản dễ bị xâm hại





Cờ đỏ đánh dấu gian lận bên trong

- Danh mục cho vay tăng lên nhanh chóng.
- Hồ sơ khoản cho vay không hoàn chỉnh hoặc bị mất mát.
- Cho vay ngoài khu vực thị trường
- Giải ngân được tiến hành trước khi hồ sơ được kiểm tra.





Các ví dụ lừa đảo từ bên ngoài

- Rút tiền bằng hối phiếu hoặc séc giả mạo, ăn cắp, hoặc chỉnh sửa.
- Sử dụng thẻ làm giả, thẻ ăn cắp.
- Các yêu cầu thanh toán.
- Các yêu cầu qua điện thoại.
- Tiền giả.
- Rút quỹ trong khi thương vụ chưa được tất toán.
- Yêu cầu một số tiền bất thường.
- Sử dụng danh thiếp hoặc giấy tờ có in sẵn lôgô và format của công ty khác.



Các ví dụ lừa đảo từ bên ngoài

Âm mưu giả mạo trong việc mở tài khoản tại ngân hàng là nhằm mục đích thiết lập mối quan hệ với ngân hàng để:

- Rửa tiền
- Làm bước đệm cho các vụ lừa đảo sau này
- Tăng uy tín đối với các ngân hàng ở nơi khác



Các ví dụ lừa đảo từ bên ngoài

Giả mạo séc/bản chéo

- Lạm dụng chu kỳ thanh toán séc,
- Sử dụng nhiều tài khoản hoặc/và nhiều ngân hàng,
- Chu kỳ thanh toán séc bị đổ vỡ khi một tờ séc bị từ chối.
- Các tờ séc được trình xuất trong cùng một ngày, hoặc ngay sau khi ghi có.
- Số lượng lớn tiền chẵn được rút và trả.



Các cờ đỏ

- Cách viết trên các tờ séc rút tiền giống như trên các tờ séc đã lập.
- Doanh số dư thì cao, so sánh với số dư trên tài khoản.
- Số dư trên tài khoản sát với hoặc vượt mức giới hạn được đồng ý.



Các cờ đỏ đối với lừa đảo từ bên ngoài

- Yêu cầu hành động khẩn cấp
- Chữ ký có nét chữ không đều... cứ như cánh tay đang bị thương phải đeo băng ...
- Đặt vốn sớm và rút vốn sớm (early deposit of funds and early withdrawal).
- Chỉ rút tiền nếu tài khoản có tín dụng gần đây (has recent credit).
- Các tờ séc có số tiền lớn được thanh toán cho các cá nhân.





Các cờ đỏ đối với lừa đảo từ bên ngoài

- Khách hàng giao dịch thông qua người đưa tin, nếu không phải là cách thức hoạt động thông thường,
- Sử dụng các địa chỉ tạm thời,
- Người xuất trình có cách cư xử không bình thường-hồi hộp, nói nhiều, quá thân mật,
- Các số tiền không bình thường,
- Nhắc đến người nổi tiếng nhằm gây ấn tượng với bạn (name dropping).





Lừa đảo thanh toán quốc tế

- Các chỉ thị bị giả mạo, biết được ngày nghỉ của ngân hàng, ngày nghỉ cuối tuần ở nơi giao dịch và ở nước ngoài.
- SWIFT bị khai thác lạm dụng.
- Các điểm đến không có chủ đích
- Hỗ trợ nhân viên;
hoặc dọa nạt nhân viên.
- Xuyên nhập vào mạng điện tử.





Cờ đỏ kinh doanh quốc tế

- Sử dụng tên giống như tên của các doanh nghiệp nổi tiếng.
- Gây áp lực để có được quyết định nhanh chóng thông qua tiện thoại và fax,
- Tham chiếu/giới thiệu tới các công cụ ngân hàng lớn (reference to Prime Bank Instruments).
- Giao dịch quá tốt tới mức khó tin (deal too good to be true),
- Sử dụng giấy tờ phôi-tô hoặc qua máy fax thay vì giấy tờ gốc,
- Sử dụng thư mẫu (letterheads) giống như thư của các tổ chức nổi tiếng,
- Mang chứng từ ra xa quầy để hoàn thiện (documents taken away for completion),
- Hứa hẹn hoặc đưa ra các mức hoa hồng hấp dẫn.



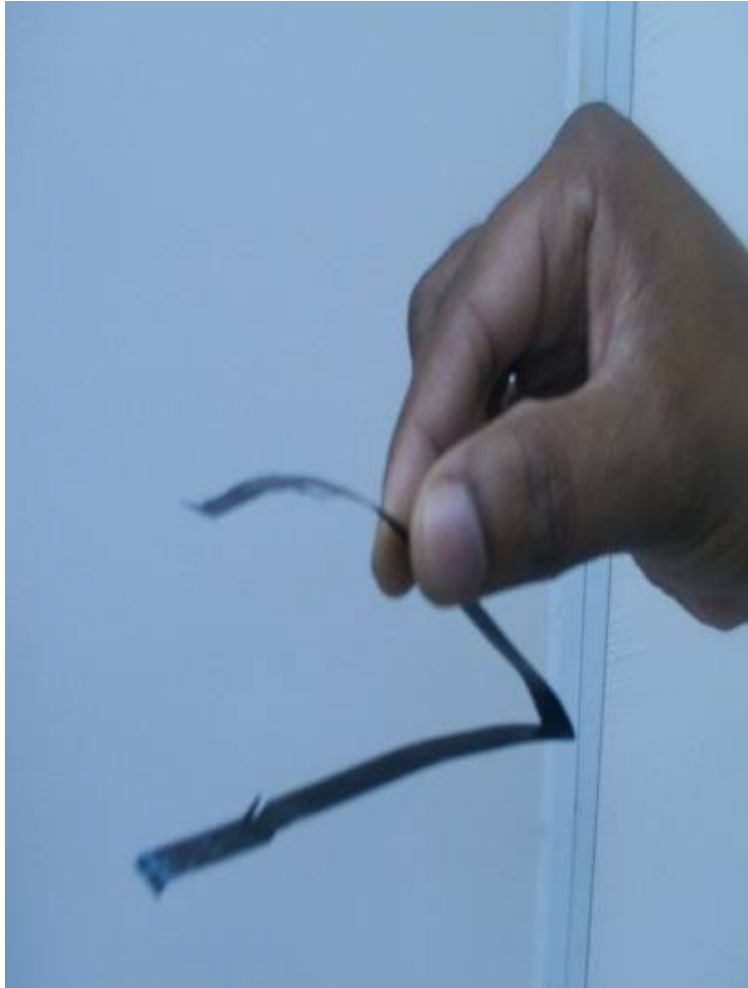


Lừa đảo qua công nghệ thông tin, qua các điểm yếu

- Ăn trộm dữ liệu để bán hoặc đòi tiền chuộc (*extortion*)
- Ăn trộm các chương trình hoặc thiết bị,
- Hacking vào các mạng lưới bị yếu-giao dịch chuyển tiền, ngân hàng điện tử (e-banking), thương mại điện tử (e-commerce).
- Lạm dụng dữ liệu đầu vào/đầu ra (input/output manipulation)
- Hoạt động gây hại-phá hủy máy tính, gây mất dữ liệu và làm hỏng việc sao cất dữ liệu, thả virus, cài bom lô-gíc.
- “Tùng xẻo dần dần- Salami slicing”
- Các hệ thống có chức năng bị suy yếu.



BẤY



- Bấy được làm bằng film X quang (XRAY film), là loại chất liệu được kẻ trộm ưa thích; đơn giản vì có màu tối trông giống như giải từ trên đầu đọc thẻ.



ĐẶT BÃY



- Bẫy được cài cắm vào khe của máy ATM. Bọn trộm cẩn thận không cài hết chiều dài của dải phim từ vào máy, hai đầu được gấp lại và có gắn keo dính để gắn tốt vào bề mặt bên trong của khe đút thẻ ATM trên máy.



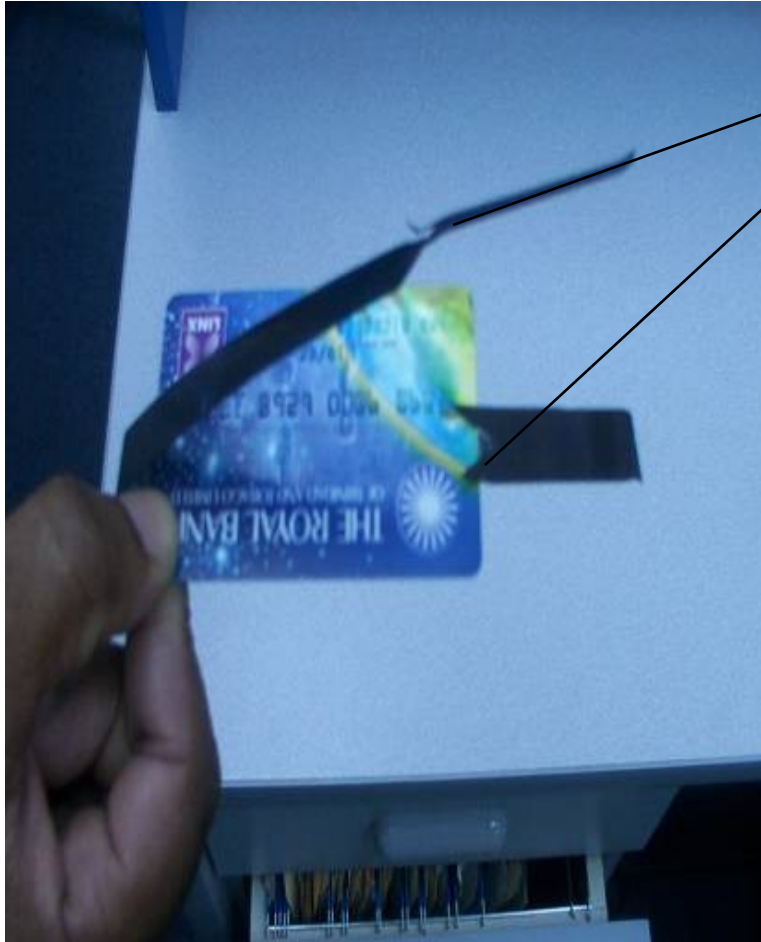
VÔ HÌNH



- Một khi cả 2 đầu của dải phim được gắn keo chắc chắn vào khe đút thẻ, thì khách hàng bình thường khó mà phát hiện ra được.



Thẻ của bạn bị ăn cắp thông tin như thế nào?



Các vết cắt dài và nhỏ được cắt vào cả 2 mặt của dải phim từ, ngăn ngừa không cho thẻ của bạn được nhả ra trước khi hoàn thành giao dịch của bạn.



Thu hồi lại bẫy



Ngay sau khi nạn nhân rời máy ATM, và kẻ trộm đã có mã PIN, kẻ trộm có thể lấy dải phim bẫy ra, bằng cách cầm lấy đầu dây, kéo từ từ ra, bẫy đã copy được thông tin trong thẻ của bạn.



Các giải pháp khả dĩ

- Đào tạo nhân viên tân tuyển,
- Đào tạo phát hiện lừa đảo, gian lận—phát hiện ra các giấy tờ/chứng từ giả mạo, chữ ký và xác nhận của các chứng từ, chống rửa tiền (AML), kỹ năng phỏng vấn,
- Nêu vấn đề lừa đảo như là một chủ đề thường xuyên trong các cuộc họp giao ban để nâng cao nhận thức và tinh thần cảnh giác.
- Đào tạo về các đặc điểm của sản phẩm và kiểm soát đối với sản phẩm.
- Trao phần thưởng: ghi nhận công lao, khao thưởng, trao quà.
- Các khóa đào tạo mới lại.





Các giải pháp khả dĩ



- Giảm thiểu các nguồn gốc cám dỗ, dụ dỗ.
- rà soát và tăng cường kiểm soát định kỳ.
- Để cho các nhà quản lý trải nghiệm thực tiễn.
- Văn phòng sạch, bàn làm việc sạch.
- Cho nghỉ phép bắt buộc.
- Hành động nhất quán sau các vụ vi phạm.
- Kiểm tra tiền mặt đột xuất, rà soát đối chiếu tồn quỹ.





Rủi ro pháp luật và điều tiết

Rủi ro do không tuân thủ các quy định của pháp luật hoặc của cơ quan điều tiết.



Các ví dụ: Rủi ro do không tuân thủ pháp luật và điều tiết

Rủi ro do không tuân thủ các yêu cầu pháp luật và điều tiết.

- Luật của quốc gia và quốc tế.
- Các thông lệ và các quy định của quốc gia và quốc tế.



Tổn thất uy tín, các khoản tiền phạt, hoặc mất giấy phép/giấy nhượng quyền kinh doanh (franchise).



RỦI RO KHÔNG TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

- Rủi ro của việc không tuân thủ các yêu cầu của pháp luật, định chế có thể tạo ra việc mất uy tín, hoặc bị phạt hoặc bị thu hồi một phần hoặc toàn bộ giấy phép.



RỦI RO UY TÍN

Một số trường hợp phổ biến

Bên trong - Thất bại trong việc tuân theo các thủ tục về chống rửa tiền

- Thông báo không hay về nhân viên ngân hàng

- Không tuân thủ pháp luật

Bên ngoài - Quyết định bất lợi của tòa án

- Thâm nhập thị trường mới

- Khách hàng khiếu nại

- Đối thủ cạnh tranh muốn mua lại (tiêu diệt)



Rủ ro Hệ thống vĩ mô

Rủ ro gây ra từ một sự kiện nhỏ nhưng có thể dẫn tới các hậu quả khôn lường ảnh hưởng trên toàn hệ thống địa phương, vùng, toàn cầu mà hậu quả này có thể không liên quan chặt chẽ đến nguồn gốc của sự kiện kia.



RỦI RO KINH DOANH/ RỦI RO NGÀNH

Rủi ro kinh doanh

Là rủi ro không đạt được các mục tiêu kinh doanh do chiến lược không phù hợp, không đủ nguồn lực hoặc do những thay đổi trong môi trường kinh tế và cạnh tranh.

Rủi ro ngành

Rủi ro ngành gắn liền với rủi ro kinh doanh và cũng liên quan chặt chẽ đến việc điều hành trong một ngành nhất định.



CÁC BÀI HỌC RÚT RA TỪ QUẢN LÝ RỦI RO TRONG NGÀNH NGÂN HÀNG

Thảo luận nhóm:

Một loại rủi ro nhất định được quản lý tại ngân hàng như thế nào?

Điểm nào trong quá trình quản lý rủi ro đó bạn cho là ngân hàng làm rất tốt?

Điểm nào trong quá trình quản lý rủi ro đó bạn cho là ngân hàng có thể làm tốt hơn? Bạn có thể đưa ra khuyến nghị gì cho ủy ban quản lý rủi ro để ngân hàng có thể quản lý rủi ro đó tốt hơn?



CÁC BÀI HỌC RÚT RA TỪ QUẢN LÝ RỦI RO Ở CÁC THỊ TRƯỜNG ĐANG PHÁT TRIỂN

Những thiếu sót thường gặp trong quản lý rủi ro nói chung trong ngành ngân hàng:

- Không có các quy trình chi tiết bằng văn bản
- Không có các công cụ và kỹ thuật đo lường rủi ro hiệu quả
- Không có ban chuyên trách về quản lý rủi ro, chịu trách nhiệm về toàn bộ rủi ro trong ngân hàng
- Thông tin không đầy đủ cho việc ra quyết định



CÁC BÀI HỌC RÚT RA TỪ QUẢN LÝ RỦI RO Ở CÁC THỊ TRƯỜNG ĐANG PHÁT TRIỂN

Những thiếu sót thường gặp trong quản lý rủi ro tín dụng:

- Không có các hạn mức về mức tập trung trong danh mục cho vay
- Tập trung hoá quá mức hoặc phi tập trung hoá quá mức trong quyền hạn cho vay
- Khả năng phân tích ngành công nghiệp còn yếu
- Không xác lập hạn mức cho ngân hàng là đối tác
- Phân tích tình hình tài chính khách hàng qua loa, đối phó
- Quá ỷ lại vào thế chấp
- Không giám sát các khoản vay
- Lỗ lẻo trong kiểm soát các giấy tờ, hợp đồng cho vay
- Hồ sơ tín dụng không đầy đủ
- Không có phân loại tài sản và các tiêu chuẩn về dự phòng nợ khó đòi



CÁC BÀI HỌC RÚT RA TỪ QUẢN LÝ RỦI RO Ở CÁC THỊ TRƯỜNG ĐANG PHÁT TRIỂN

Những thiếu sót thường gặp trong quản lý rủi ro thị trường:

- Thiếu vắng các chính sách bằng văn bản
- Tập trung hoá quá mức trong việc ra quyết định
- Không có hạn mức cho trạng thái ngoại hối
- Không có hạn mức cho các chênh lệch về kỳ hạn giữa tài sản nợ-có cho từng loại ngoại tệ (gap limits)
- Thiếu hiểu biết kỹ lưỡng về mối liên hệ giữa thị trường tiền tệ và thị trường ngoại hối
- Yếu kém trong kiểm soát các công cụ tài chính dẫn xuất
- Không có báo cáo hàng ngày đối với trạng thái thị trường
- Không có một hệ thống giám sát và theo dõi.



CÁC BÀI HỌC RÚT RA TỪ QUẢN LÝ RỦI RO Ở CÁC THỊ TRƯỜNG ĐANG PHÁT TRIỂN

Những thiếu sót thường gặp trong quản lý rủi ro thị trường:

- Không có các thoả thuận về bảo đảm chuyển fax
- Bỏ qua nguyên tắc phân tách người nhận rủi ro và người kiểm soát rủi ro
- Không có các khuyến khích để phát hiện rủi ro
- Kỹ năng kỹ thuật yếu kém của nhân viên
- Không được đào tạo đầy đủ
- Kỷ luật làm việc không hiệu quả
- Các thủ tục quy trình lạc hậu



THÔNG LỆ QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ RỦI RO

- Lập chiến lược
- Quản lý rủi ro - các nguyên tắc hướng dẫn
- Chính sách rủi ro và các bậc chính sách (policy levels)
- Văn hoá rủi ro
- Quản lý và kiểm soát rủi ro



Các thông lệ thực tiễn trên thế giới trong xây dựng các chiến lược quản trị rủi ro

“Một chiến lược rõ ràng sẽ đặt nền móng vững chắc cho quản trị rủi ro”.

- Các kế hoạch kinh doanh,
- Phân tích môi trường,
- Khẩu vị rủi ro,
- Quản trị rủi ro và phát triển văn hóa rủi ro (risk culture) để hỗ trợ cho chiến lược.



THÔNG LỆ QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ RỦI RO

CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ RỦI RO

Lợi nhuận được điều chỉnh theo rủi ro – “Doanh thu có được là nhờ chấp nhận rủi ro”

Rủi ro cần được lượng hoá

Rủi ro cần được đánh giá trước khi chấp nhận

Các hoạt động được tiến hành theo những tiêu chuẩn cơ bản về kiểm soát như:

- lập kế hoạch
- theo dõi
- phân tách
- cấp phép và phê duyệt
- đối chiếu
- đánh giá (dự phòng nếu cần thiết)

Thông tin kế toán cập nhật và chính xác

Chia sẻ thông tin theo cấp (escalating) và các ghi chép khác về thay đổi trong bản chất/quy mô rủi ro



CÁC CHÍNH SÁCH RỦI RO

Xác định chính sách

Xác định nhiệm vụ

Văn hoá mong muốn để hỗ trợ

Truyền đạt chính sách và đào tạo

Ví dụ:

Xác định chính sách tín dụng

Đây là chính sách của ngân hàng - để giữ một danh mục cho vay tương đối đa dạng về rủi ro tín dụng nhằm mang đến lợi nhuận ổn định và chắc chắn cho các nhà đầu tư.

Xác định nhiệm vụ

“Được công nhận là ngân hàng hàng đầu về quản lý rủi ro tín dụng trong số các ngân hàng quốc tế”

Văn hoá tín dụng

“Các chính sách này dựa trên cơ sở các kinh nghiệm trước đây và những kỳ vọng dài hạn - hình thành nên cơ sở cho một văn hoá nhận biết rủi ro tín dụng thống nhất, có tính xây dựng trong toàn Ngân hàng và từ nền móng cho từng chính sách tín dụng kinh doanh.”



THÔNG LỆ QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ RỦI RO

VĂN HÓA TÍN DỤNG CỦA CHÚNG TÔI

Chúng tôi sẽ xử sự theo phong cách chuyên nghiệp có đạo đức ới độ trung thực cao nhất của cá nhân

Chúng tôi sẽ tuân thủ mọi luật lệ, quy chế, quy tắc và chính sách được áp dụng

Chúng tôi sẽ không đánh đổi vị thế của ngân hàng vì những lợi ích cá nhân

Chúng tôi sẽ chia sẻ mọi thông tin về khách hàng với Ngân hàng và thảo luận công khai, không thiên vị các vấn đề với khách hàng cũng như với đồng nghiệp ngay khi cần thiết.

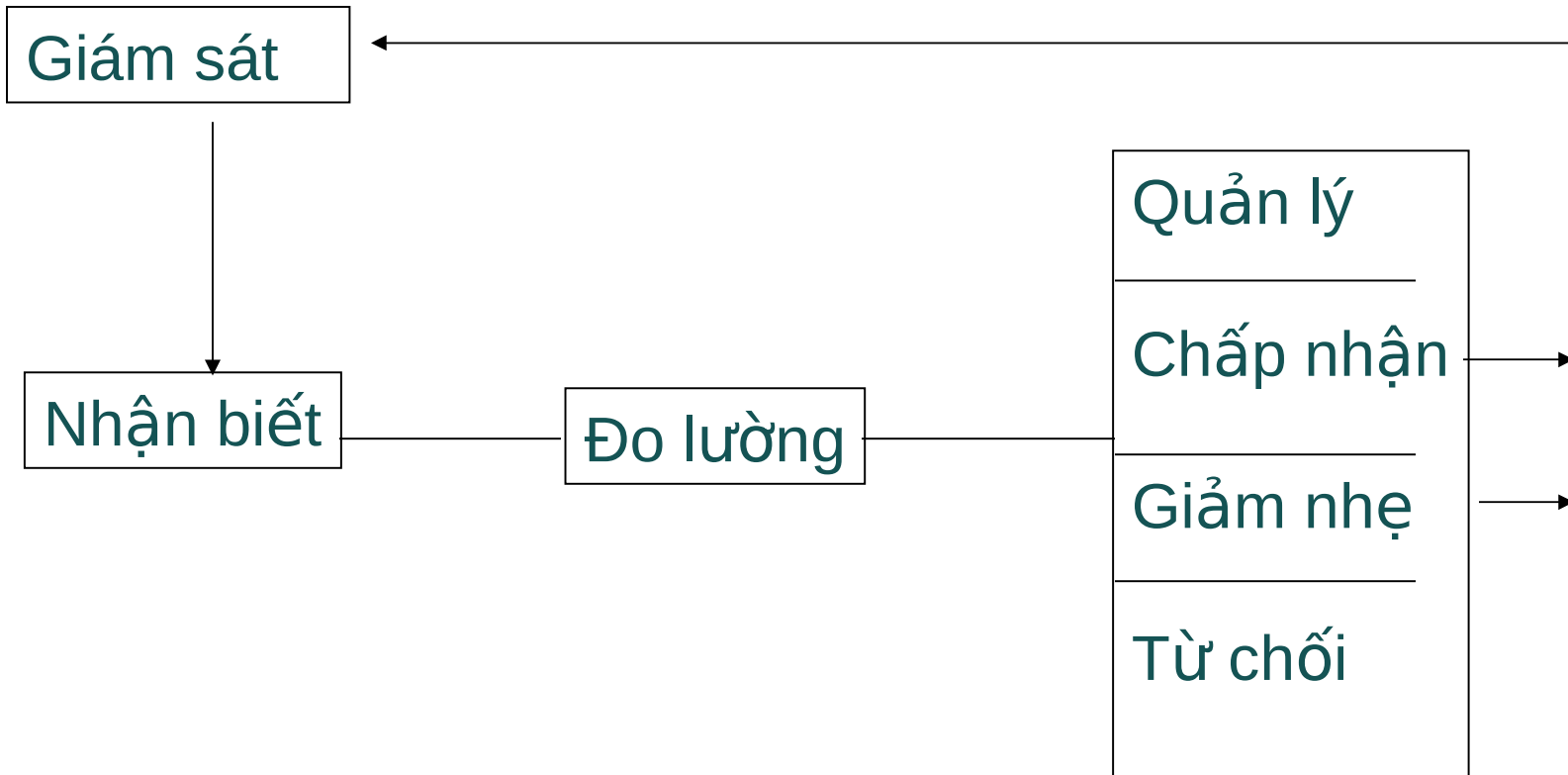
Chúng tôi chịu trách nhiệm nhận biết, tìm hiểu và theo dõi thường xuyên các rủi ro trong danh mục cho vay của chúng tôi.



CÁC THÔNG LỆ QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ RỦI RO

QUẢN LÝ RỦI RO VÀ KIỂM SOÁT

Vòng rủi ro





CÁC THÔNG LỆ QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ RỦI RO

QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT RỦI RO

Ma trận xác suất/tác động - Các chiến lược rủi ro

	Cao		Cao
Cao	Xác suất	Đặt ra các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu mức rủi ro	Ưu tiên thực hiện
		Không cần làm gì cả	Đặt ra kế hoạch cho các tình huống bất ngờ
Thấp		Thấp	Cao hơn
		Tác động	



QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT RỦI RO

Vai trò và trách nhiệm
Trao quyền hạn
Các chính sách và thủ tục
Báo cáo
Giám sát rủi ro
Kiểm tra và cân đối



QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT RỦI RO

Vai trò và trách nhiệm

Ở cấp lãnh đạo - thể hiện bằng

- xác định các hoạt động quản lý rủi ro
- phân bổ trách nhiệm ở cấp lãnh đạo
- xác định cách thức để quyền hạn được thiết lập

Ban quản lý rủi ro

- xác định khẩu vị rủi ro
- thiết lập các tiêu chuẩn và chính sách để quản lý và đo lường rủi ro (ví dụ: Ban rủi ro hoạt động, Ban tài sản và nợ -ALCO)

Trưởng ban chức năng/Trưởng đại diện một nước

- cung cấp những khuyến nghị tiên phong hoặc các khía cạnh rủi ro
- hỗ trợ các nhà quản lý địa phương trong việc phát triển những chính sách tốt về rủi ro quốc gia
- đào tạo và truyền đạt thông tin
- thực hiện các kiểm tra định kỳ về tính tuân thủ
- thiết lập các quá trình để nhận biết và báo cáo các vi phạm trong xử lý rủi ro

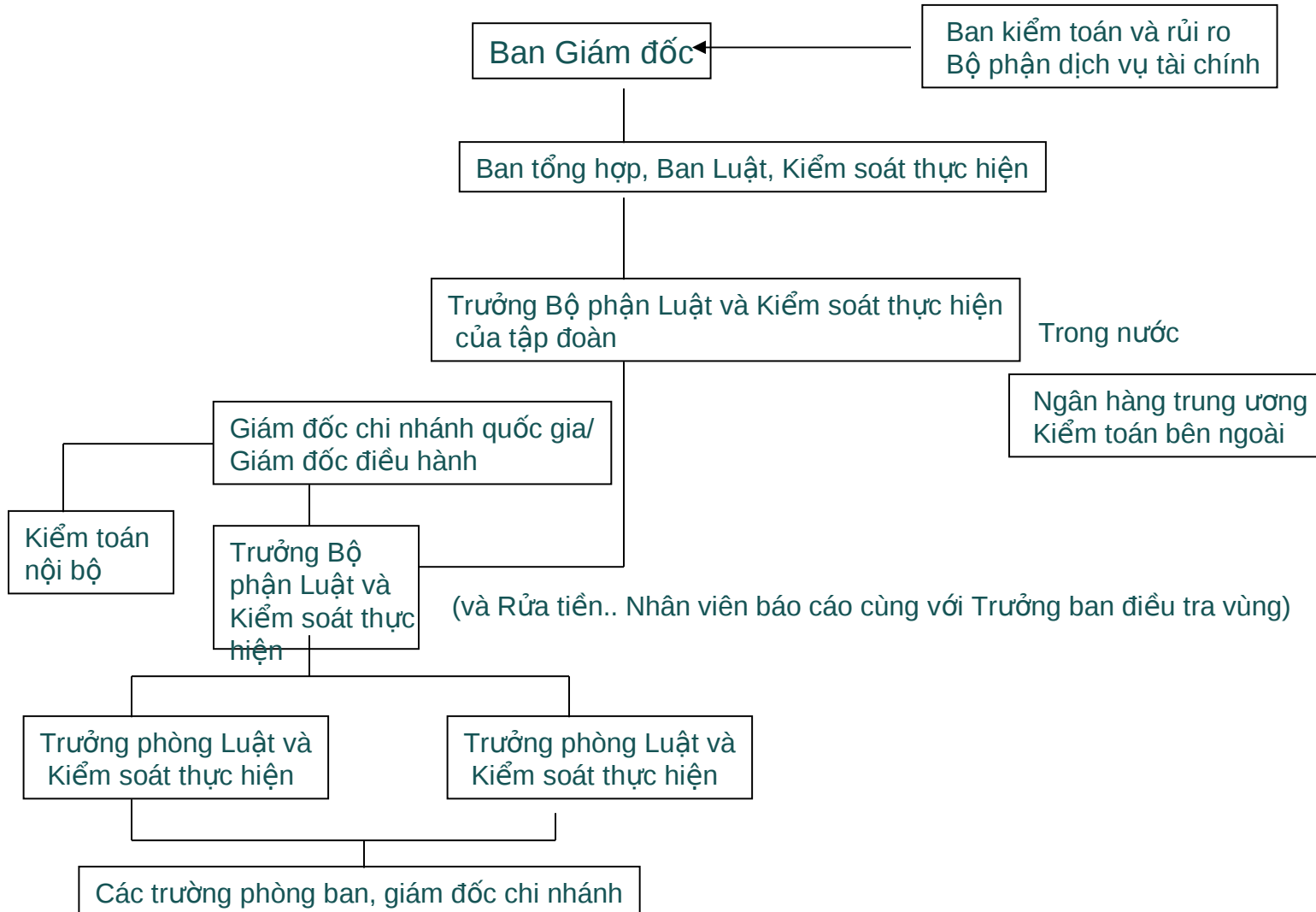
Ban kiểm toán và rủi ro

- độc lập
- giám sát các hoạt động quản lý rủi ro



QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT RỦI RO

Vai trò và trách nhiệm (tiếp) - Một ví dụ





THÔNG LỆ THỰC TIỄN TỐT NHẤT

Tự đánh giá rủi ro và tuân thủ (RCSA)

Tự đánh giá rủi ro hoạt động (ORSA)

Là một quá trình thường kỳ khi các nhà quản lý điều hành tự đánh giá cho chính mình về môi trường kiểm soát chung mà họ đang chịu trách nhiệm.

Phân loại:

Con người

- Bộ máy quản lý kinh doanh

- Mở rộng và sử dụng hệ thống tự động

- Quy trình xử lý giao dịch

- Các yếu tố bên ngoài

Lợi ích đối với Ngân hàng:

- Nhận biết rộng hơn về các rủi ro hoạt động

- Nhận biết về tính đầy đủ của kiểm soát

- Tiếp cận một cách thống nhất/đồng bộ

- Nhận thức được các vấn đề

Định kỳ: hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, hàng năm.



THÔNG LỆ THỰC TIỄN TỐT NHẤT

Các tiêu chuẩn kiểm soát quan trọng - Ví dụ

Quá trình

Mở một tài khoản vãng lai

Kiểm soát thực hiện

Tuân thủ quy trình về chống rửa tiền
Kiểm tra giấy tờ của khách hàng
Xác nhận chữ ký mẫu
Ký hợp đồng khách hàng
Làm đủ tất cả các giấy tờ cần thiết
Kiểm tra người giới thiệu

Kiểm tra/phê duyệt

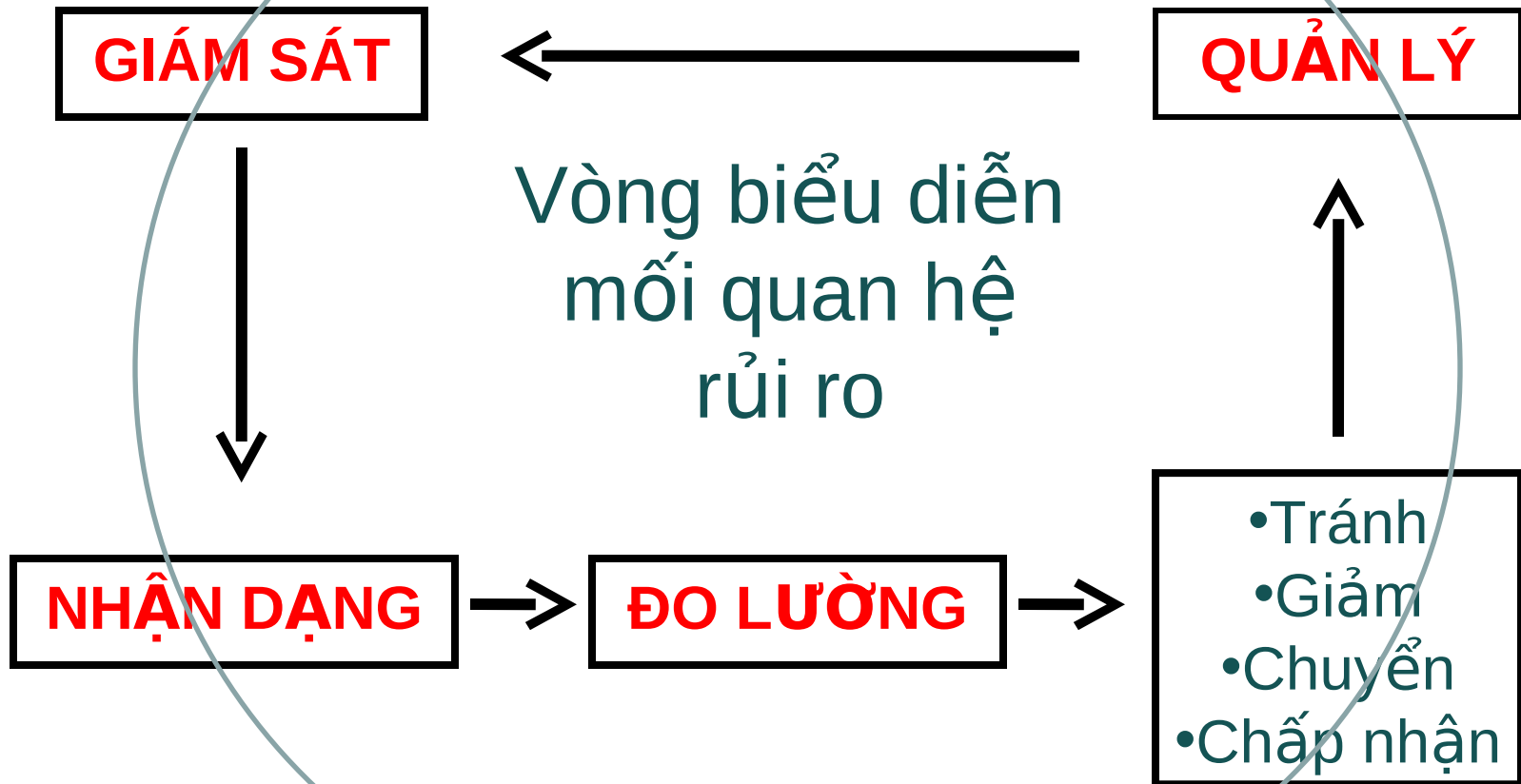
Kiểm tra tính đầy đủ và chính xác
Bảo đảm đã có đủ bộ giấy tờ cần thiết

Kiểm soát của bộ phận quản lý

6 tháng một lần, kiểm tra bất chợt một số đơn từ mới được ký và so sánh với giấy tờ gốc



Tổng quát lại ...





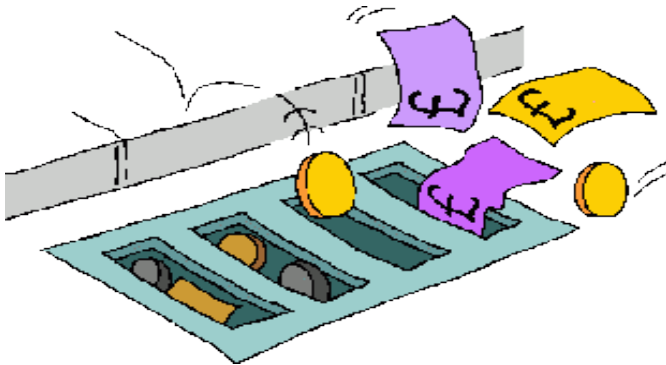
Rửa tiền

- Là quá trình theo đó các cố gắng tội phạm để che đậy số tiền ban đầu đích thực và sở hữu của số tiền đó, có được nhờ các hoạt động tội phạm.
- Nếu thành công, bọn tội phạm sẽ duy trì quyền kiểm soát số tiền này, và cuối cùng có được tấm lá chắn hợp pháp cho việc sở hữu và sử dụng số tiền bất hợp pháp đó.



1. Cài đặt

Bước đầu tiên cất giữ số tiền phạm pháp có được.





Các trường hợp chống rửa tiền (AML) đặc biệt



Tiền từ các tổ chức tội phạm ma túy-
Drug Cartel Money



2. Tạo thành các lớp giao dịch



Tách số tiền phạm pháp từ nguồn bằng cách tạo ra các lớp giao dịch phức tạp nhằm xóa dấu vết, gây khó cho kiểm toán lần theo dấu vết và sử dụng tên nặc danh.

How money laundering

Money Laundering





3. Tái hồi

Đặt số tiền đã rửa sạch vào nền kinh tế hợp pháp, như vậy làm cho đồng tiền trở lên bình thường trong hoạt động kinh tế mới.





Các ngân hàng đối phó với nạn rửa tiền

Tất cả ngân hàng đều dễ bị lợi dụng cho rửa tiền ở cả 3 giai đoạn của công nghệ rửa tiền



Các ngân hàng dễ bị tổn thất một cách trực tiếp:

- thông qua sự lơ là mất cảnh giác trong việc sàng lọc khách hàng không mong muốn, hoặc
- là nơi sự phối hợp của các nhân viên đang bị suy giảm qua các vụ thông đồng với tội phạm.



Phải hiểu rõ Khách hàng Của bạn Know Your Customer (KYC)

Ngân hàng có nghĩa vụ phải hiểu rõ khách hàng của mình.

Yêu cầu này áp dụng cho mọi loại khách hàng, không kể họ là ai, tình trạng cá nhân của họ hoặc loại tài khoản hoặc dịch vụ mà họ yêu cầu.





Phải hiểu rõ khách hàng của bạn-là con người

KYC - Persons

Thiết lập các dấu hiệu nhận dạng khách hàng.

- Các hồ sơ nhận dạng-các bản gốc hoặc bản công chứng, được ký chữ ký tươi của khách hàng và có ảnh, ví dụ

Hộ chiếu mới, còn giá trị/hiệu lực

Giấy phép lái xe còn hiệu lực.

Thẻ cử tri (voter ID card)

Thẻ quân nhân (armed forces ID card)

- Thẻ nhân viên có ảnh và chữ ký của khách hàng, hoặc
- Một giấy chứng nhận từ bất cứ cơ quan công quyền nào.





Phải hiểu rõ khách hàng của bạn-là tổ chức KYC - Legal entities

- Giấy chứng nhận của công ty, biên bản ghi nhớ và các bài báo của hiệp hội, hoặc điều lệ.
- Nghị quyết của hội đồng quản trị .
- Tên của doanh nghiệp.
- Lý do đặt quan hệ với ngân hàng, doanh thu kỳ vọng, nguồn vốn.
- Copy của các báo cáo tài chính gần đây nhất, nếu có thể/phù hợp.



Giám sát các giao dịch

Một giao dịch đáng nghi ngờ là một giao dịch mà không nhất quán với hoạt động kinh doanh hợp pháp đã biết của khách hàng hoặc các hoạt động cá nhân đã biết, hoặc khác biệt với dung lượng của các giao dịch thông thường của khách hàng.

Nghi ngờ thì không tự động cấu thành tội phạm nhưng cũng đòi hỏi có sự kiểm tra và điều tra kỹ về tình huống kinh doanh của khách hàng.



Các ví dụ về các giao dịch đầy nghi ngờ

- Số tiền gửi lớn bất thường bởi khách hàng mà hoạt động kinh doanh bình thường của khách hàng chỉ liên quan đến thanh toán bằng séc hoặc các công cụ tiền tệ khác.
- Sự tăng lên đáng kể về tiền gửi bằng tiền mặt mà không có lý do hiển nhiên, đặc biệt sau đó được chuyển đi ngay tới một địa chỉ mới không có quan hệ với hoạt động kinh doanh của khách hàng.
- Nhiều món tiền gửi bằng tiền mặt, các nhóm nhỏ khác nhau trong một thời gian ngắn, nhưng số tổng cộng thì lại lớn đáng kể





Các ví dụ về các giao dịch đầy nghi ngờ

- Các khách hàng không ngờ là trả được tiền vay của khoản vay được coi là có vấn đề.
- Yêu cầu vay bằng tài sản đang được nắm giữ bởi một tổ chức tài chính khác hoặc một đối tác thứ ba, ở đó xuất xứ của tài sản thì không được biết, hoặc tài sản thì không nhất quán/liên quan đến tình trạng tài chính của khách hàng.
- Yêu cầu thu xếp vốn mà trong đó phần đóng góp tài chính của khách hàng thì không rõ ràng, đặc biệt là trong các vụ đầu tư vào bất động sản.



Những người Phơi nhiễm Chính trị

Politically Exposed Persons (PEP)

Các cá nhân được ủy thác hoặc vừa mới được ủy thác thực hiện các chức năng công vụ quan trọng và/hoặc những người được xác định là có mối quan hệ gần gũi với những người như vậy, thì được hiểu là dễ phơi nhiễm với tham nhũng hoặc sử dụng sai vốn/tài sản của công quỹ.

Những người phơi nhiễm chính trị PEPs là những người có mối quan hệ kinh doanh có nhiều rủi ro do đó đòi hỏi sự chú ý đặc biệt và giám sát chặt chẽ.



Buôn bán ma túy

:Citibank ở Mê-hi-cô

- Ngân hàng này bị kết tội (alleged) đã hỗ trợ một hệ thống quản lý tiền tệ (a money managing system) đã che đậy nguồn gốc, điểm đến và chủ hưởng lợi của các quỹ.



- Hiện nhiên được thực hiện bằng cách lặn lẽ chuyển tới 100 triệu USD được coi là tiền có được từ buôn bán ma túy cho một người anh em của vị cựu tổng thống Mê-hi-cô.



Tài trợ cho khủng bố



Trong khi kiểm tra các mối quan hệ tài chính giữa bọn bắt cóc ngày 11 tháng 9 (2001), người ta đã tìm ra rằng toàn bộ các cuộc giao dịch là thông qua cá nhân, số tiền nhỏ hạn chế; ngoài ra, chuyển tiền **điện tín** (wire transfers) là phương tiện của tất cả các giao dịch).



Báo cáo về các giao dịch nghi ngờ



Cán bộ tuân thủ chống rửa tiền (AML) phải rà soát và điều tra tất cả các tài liệu/hồ sơ báo cáo đã được đệ trình để quyết định xem có cần phải yêu cầu lên Ban Kiểm toán Nội bộ tiến hành điều tra đầy đủ trước khi báo cáo lên cơ quan chống rửa tiền hoặc ngân hàng trung ương.

Nếu có bất cứ nghi ngờ gì về tính hiệu lực của một giao dịch, cứ báo cáo.

SARs and CTRs are important.

Ask the banks that have paid big penalties for failure to file or improperly completed forms.





Lưu giữ hồ sơ sổ sách

- Yêu cầu pháp định – thường 5 năm sau khi kết thúc mối quan hệ.
- Đã được luật pháp của Việt Nam và Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định.
- Để hỗ trợ việc xây dựng lại và phân tích các giao dịch trong tương lai.
- Để cung cấp bằng chứng trước tòa án.



RỬA TIỀN Ở VIỆT NAM

Các hoạt động rửa tiền có thể chưa phải là một hiện tượng ở Việt Nam

**SAVING LIVES
is one good reason
to turn in a terrorist...**



Chính sách và các chương trình chống rửa tiền sẽ giúp đảm bảo rằng các ngân hàng và Việt Nam không bị sử dụng cho rửa tiền.



Bộ luật về đạo đức nghề nghiệp

Code of Ethics

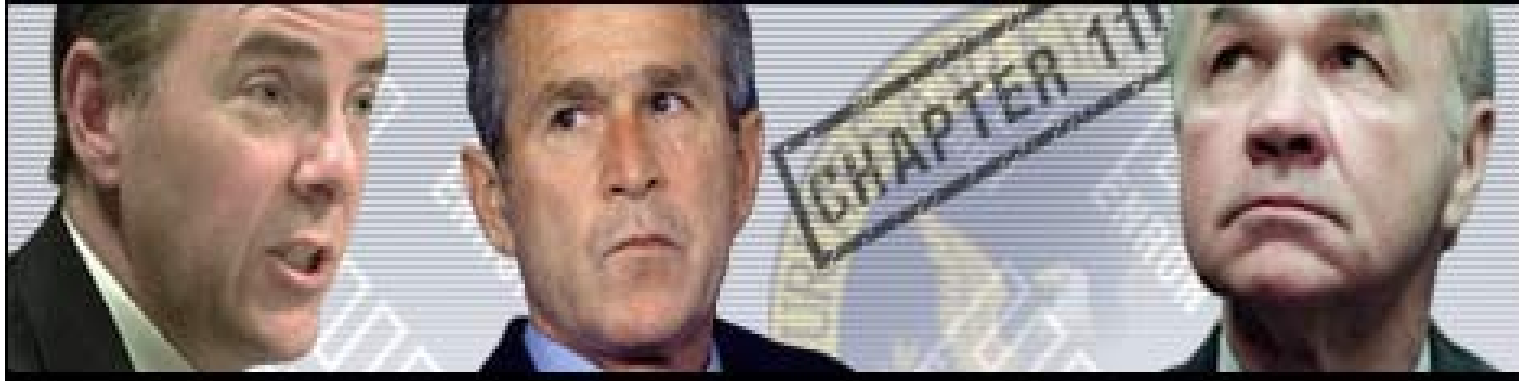


Văn hóa đạo đức nghề nghiệp là sống còn Ethical Culture is Vital

- Đảm bảo tính “minh bạch”
- Cổ vũ cho quản trị tốt (good governance)
- Xúc tiến một cách tiếp cận có đạo đức nghề nghiệp
 - ✓ Cư xử/đối xử có đạo đức nghề nghiệp với khách hàng và các nhà cung cấp,
 - ✓ Cư xử/đối xử bình đẳng và công bằng với nhân viên, có sự tôn trọng, thưởng, kỷ luật.



RỦI RO TÍN DỤNG - TÌNH HUỐNG CỦA TẬP ĐOÀN ENRON



Các thông tin ban đầu:

Enron là tập đoàn năng lượng lớn thứ sáu trên thế giới

Enron là tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực buôn bán các sản phẩm dẫn xuất của năng lượng

Doanh thu đạt 101 tỷ đô la và tổng tài sản là 47.3 tỷ đô la vào năm 2000

Enron là khách hàng lớn của JP Morgan; Citicorp.; ANZ Group và National Australian Bank.

RỦI RO TÍN DỤNG - TÌNH HUỐNG CỦA TẬP ĐOÀN ENRON



Khủng hoảng của Enron- Điều gì đã xảy ra:

Tháng 1 năm 2001: Cổ phiếu của Enron được bán với giá \$ 80

Tháng 4 năm 2001: Enron tiết lộ rằng họ có tới

\$570 triệu trong công ty cung cấp điện California PG&E đã bị phá sản. Cổ phiếu của Enron lập tức giảm xuống còn \$60

Tháng 8 năm 2001: Jeff Skilling từ chức Tổng Giám đốc điều hành Enron. Cổ phiếu của Enron lại giảm tiếp tục xuống dưới mức \$40

Tháng 10 năm 2001: Enron thừa nhận rằng họ kinh doanh khoảng \$1.01 tỷ mất trắng. Moody đã đặt mức đánh giá của họ đối với các khoản nợ của Enron vào mức theo dõi, tức là từ BB - xuống CC. Cổ phiếu Enron lại giảm xuống còn khoảng \$10

Ngày 21 tháng 11: Enron vay \$1 tỷ từ JP Morgan Chase và City Group;

Ngày 28 tháng 11: Dynegy Inc. chấm dứt thoả thuận sát nhập. Cổ phiếu của Enron chỉ còn được bán với giá giữa 45 và 25 cent.

Ngày 2 tháng 12: Enron đệ trình lên toà án xin phá sản theo điều luật 11 về phá sản.





RỦI RO TÍN DỤNG - TÌNH HUỐNG CỦA TẬP ĐOÀN ENRON

**Khủng hoảng của Enron - Tác động
đối với các ngân hàng khổng lồ**



JP Morgan Chase:

Tổng dư nợ là \$2.6 tỷ, trong đó \$900 triệu là không được bảo đảm.

Citi Group:

Tổng dư nợ là \$1.2 tỷ, trong đó \$400 triệu là không được bảo đảm.

National Australian Bank: Tổng dư nợ là A\$200 triệu

ANZ Group: Tổng dư nợ là A\$200 triệu



RỦI RO TÍN DỤNG - TÌNH HUỐNG CỦA TẬP ĐOÀN ENRON

Tại sao các ngân hàng lớn không nhận ra các rủi ro của Enron?

Họ cho rằng Enron quá lớn để có thể phá sản?

Họ bắt buộc đàm lao phải theo lao?

Cán bộ của họ quá ham mê lợi nhuận?

Họ bị chịu sức ép chính trị?

Họ có nhầm lẫn về chuyên môn?

Hãy hỏi:

Ngân hàng có thực sự hiểu khách hàng của mình không?

Các lĩnh vực kinh doanh của Enron?

Các chính sách kế toán của Enron?

Các quan hệ với giới chính trị gia và kiểm toán?

Cái tâm của các nhà lãnh đạo Enron?



RỦI RO THỊ TRƯỜNG - QUẬN CAM



Các thông tin ban đầu về quận Cam:

Là một quận nằm ở bang Indiana, Southern California, USA

Quận này lớn thứ hai trong bang có tới 1.8 triệu dân

Bob Citron là giám đốc kho bạc quận,
người được uỷ thác quản lý giá \$7.5 tỷ

Các nhà đầu tư là các tiểu khu, các trường học, các công ty nhỏ
và chính uỷ ban quận.

Hàng năm, Citron đã mang lại tỷ suất lợi nhuận từ 5-15% trong
suốt giai đoạn từ năm 74 đến 94.



RỦI RO THỊ TRƯỜNG - QUẬN CAM

Điều gì đã xảy ra với quận Cam?

Citron đã thế chấp vốn của các nhà đầu tư để vay tổng cộng \$20.5 tỷ

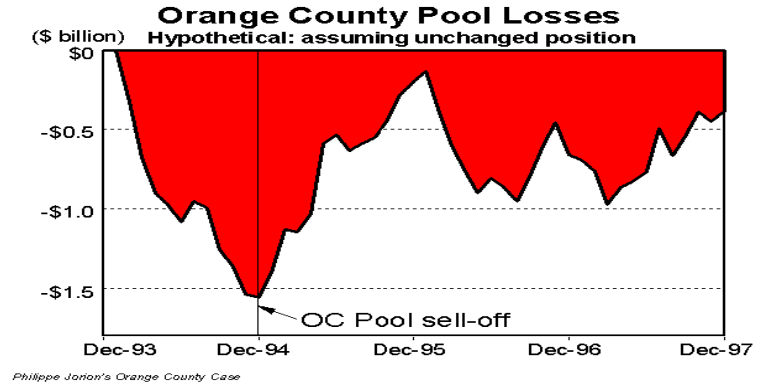
Citron đã tái đầu tư số tiền đó vào các chứng khoán mới, hầu hết là các trái phiếu do các cơ quan chính phủ phát hành

Chiến lược đầu tư này đã hoạt động rất tốt cho đến tháng 2 năm 94 nhờ có cơ cấu lãi suất dốc lên, có nghĩa là đầu tư ngắn hạn thì có mức lãi thấp hơn đầu tư trung hạn

Vào tháng 2 năm 1994 Fed (Cục Dự trữ Liên bang Mỹ) bắt đầu tăng lãi suất liên tục trong sáu lần, điều này làm trái phiếu giảm giá dữ dội.

Tháng 11 năm 1994: quỹ đầu tư của quận bị lỗ sổ sách là \$1.5 tỷ.

Tháng 12 năm 1994: Quận thanh lý quỹ đầu tư và ghi nhận số lỗ thực tế là \$1.6 tỷ





RỦI RO THỊ TRƯỜNG - QUẬN CAM

Khủng hoảng của quận Cam - Sai lầm ở đâu?

Những tin tưởng mù quáng của Giám đốc kho bạc rằng lãi suất sẽ giảm hoặc giữ ở mức thấp. Ông ta không có khả năng nhận biết rủi ro hoặc đơn giản là bỏ qua nó.

Thiếu một mô hình đo lường rủi ro hữu hiệu, chẳng hạn như Hạn mức chịu Giá trị rủi ro (Value at Risk - VAR).

Không có quy trình quản lý rủi ro hữu hiệu

Hoạt động đầu tư của Giám đốc kho bạc quận không bị giám sát

Citron chịu áp lực trước quá khứ thành tích của mình. Mục đích chính của ông ta là tăng doanh số cho quỹ đầu tư nhưng lại bỏ qua việc rủi ro lãi suất có thể xảy ra.



RỦI RO THANH KHOẢN

Là rủi ro khi ngân hàng không thể thực hiện được những cam kết tài chính hàng ngày của mình do thiếu thanh khoản.



Nghiên cứu tình huống Ngân hàng Đại á



RỦI RO VẬN HÀNH

Là rủi ro khiến ngân hàng chịu thua lỗ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp do sai sót của công nghệ, quy trình, cơ sở hạ tầng, nhân sự và các rủi ro khác có tác động tiêu cực đến hoạt động của ngân hàng



Nghiên cứu tình huống lừa đảo ở Ngân hàng BOA